



Woodmark

Tiêu chuẩn và Danh mục kiểm tra chung

Áp dụng cho:	Việt Nam
Ngày:	05/2014
Phiên bản:	1.4

Soil Association Woodmark • South Plaza • Marlborough Street • Bristol • BS1 3NX • UK
Telephone (+44) (0) 117 914 2435 • Fax (+44) (0) 117 314 5001 • Email wm@soilassociation.org

Soil Association Certification Ltd • Company Registration No. 726903 • A wholly-owned subsidiary of the Soil Association Charity No. 206862

Phạm vi

Tiêu chuẩn chung Woodmark được đề ra để sử dụng rộng rãi trong đánh giá quản lý rừng FSC ở những nơi chưa được công nhận FSC theo tiêu chuẩn.

Mục đích

Danh mục kiểm tra này được thiết kế để thực hiện theo tiêu chuẩn FSC-STD-20-002 (v3.0; 2009) Cấu trúc, nội dung, thích ứng địa phương của Tiêu chuẩn Quản lý rừng chung.

Danh mục kiểm tra này trình bày Tiêu chuẩn Rừng Woodmark Soil Association. Danh mục được thiết kế để sử dụng:

- Là cơ sở xây dựng tiêu chuẩn cụ thể vùng, trước khi đánh giá rừng
- Là cơ sở để người quản lý rừng hoặc chủ sở hữu rừng tự đánh giá
- Là cơ sở cho một chuyến thăm phạm vi Woodmark
- Là cơ sở cho một đánh giá của Woodmark

Giao diện của các tiêu chuẩn:

Nguyên tắc và Tiêu chí quản lý rừng FSC

Tiêu chuẩn được thiết kế để thực hiện các Nguyên tắc và Tiêu chí Quản lý rừng (FSC-STD-01-001 (v4.0; 2002)).

Tiêu chuẩn được chia thành 10 phần, mỗi phần tương ứng với một trong các nguyên tắc FSC. Bản thân nguyên tắc này được viết trên đầu trang của mỗi phần trong một hàng bóng mờ màu xám.

Bên dưới mỗi nguyên tắc FSC, Tiêu chuẩn liệt kê từng tiêu chí FSC. Tiêu chí cũng được trình bày trong các hàng bóng mờ màu xám, trải dài trên hai cột đầu tiên của bảng.

Tiêu chuẩn Woodmark

Mỗi trang của bảng được chia làm 4 cột

Cột đầu tiên liệt kê tất cả các chỉ số Woodmark Soil Association cho một Tiêu chuẩn FSC. Ví dụ, bên dưới Tiêu chuẩn FSC 1.1, có ba chỉ số Woodmark, được đánh số 1.1.1, 1.1.2, và 1.1.3. Các chỉ số Woodmark giải thích những việc chủ sở hữu/người quản lý rừng cần phải đạt được để có thể đáp ứng tiêu chuẩn FSC. Phần chấm điểm, bên dưới, giải thích những gì xảy ra nếu chủ rừng đáp ứng vài chỉ số, hoặc, chỉ đáp ứng từng phần của chỉ số, hoặc cảm thấy rừng chỉ số không phù hợp hoặc không thể áp dụng.

Cột thứ hai liệt kê “Làm rõ”. Làm rõ chỉ đơn giản là những yếu tố của bằng chứng cho thấy chuyên gia đánh giá có thể sử dụng để xác minh các chỉ số Woodmark được đáp ứng. Đôi khi vật xác minh là một tài liệu, chẳng hạn như một chính sách viết tay hoặc một bản đồ; đôi khi chuyên gia đánh giá có thể xác minh chỉ số bằng việc nói chuyện với người quản lý rừng, công nhân, hoặc những người khác liên quan đến doanh nghiệp lâm nghiệp; đôi khi chuyên gia đánh giá có thể xác minh chỉ số bằng việc quan sát bản thân rừng. Người quản lý rừng không nhất thiết phải có tất cả các tài liệu được đề cập như các vật xác minh hợp lý – danh sách vật xác minh chỉ là ví dụ. Nếu một tài liệu cụ thể không tồn tại, chuyên gia đánh giá sẽ tìm một cách khác để xác nhận rằng tiêu chuẩn đã được đáp ứng.

Cột thứ ba có vài mục đích khác nhau, phụ thuộc vào mục đích sử dụng của tiêu chuẩn chung.

- Khi tiêu chuẩn được sử dụng như là cơ sở để **xây dựng tiêu chuẩn vùng**, cột thứ ba được sử dụng để ghi lại thông tin địa phương hoặc vùng và sẽ giúp chỉnh sửa tiêu chuẩn cho phù hợp với từng vùng và tình hình cụ thể. Ví dụ, tiêu chuẩn FSC 2.2 đề cập đến cộng đồng với quyền sở hữu hợp Một khía cạnh bổ sung và quan trọng của quá trình địa phương hóa là các bên liên quan và người quản lý rừng được cung cấp một cơ hội để nhận xét về các tiêu chuẩn trước khi tiến hành đánh giá.

Các góp ý của người quản lý rừng sẽ được xem xét đồng thời với góp ý của những người được tư vấn khác.

- Khi tiêu chuẩn được sử dụng để người quản lý rừng hoặc chủ rừng **tự đánh giá**, cột thứ ba có thể dùng để ghi lại những góp ý hoặc câu hỏi của cán bộ lâm nghiệp. Có thể có những ghi chú về vị trí của tài liệu liên quan, hoặc các điều ghi nhớ nhắc nhở người quản lý làm thế nào để tiêu chuẩn cụ thể được đáp ứng. Người quản lý rừng cũng có thể sử dụng cột này là cơ sở để góp ý hoặc câu hỏi tới Woodmark – ví dụ để xác minh ý nghĩa của một chỉ số cụ thể.
- Cột thứ ba cũng có thể được sử dụng bởi chuyên gia đánh giá trong quá trình **đánh giá trước** để ghi lại những quan sát hay góp ý của họ. Trong trường hợp này, chuyên gia đánh giá sẽ ghi chép những quan sát trong cột, và ghi chú về bất cứ khía cạnh nào của tiêu chuẩn mà chủ rừng hoặc người quản lý rừng không tuân thủ. Những khoảng trống chính sau đó sẽ được tóm tắt trong một báo cáo đánh giá trước cho người quản lý rừng/chủ rừng. Đánh giá viên cũng sẽ cố ghi lại càng nhiều thông tin địa phương càng tốt trong suốt chuyến đánh giá tại hiện trường, để tạo ra một tiêu chuẩn được địa phương hóa một cách phù hợp cho đánh giá chính.
- Cuối cùng, cột thứ ba được sử dụng bởi chuyên gia đánh giá trong quá trình **đánh giá đầy đủ** để ghi lại những quan sát và góp ý của họ. Chuyên gia đánh giá sẽ tạo ra một ghi chép những gì đã nhìn thấy hoặc quan sát để làm rõ chỉ số Woodmark cụ thể, kể cả bất cứ điều gì bị bỏ lỡ, hoặc bất cứ thông tin khác liên quan đến việc kiểm tra.

Cột thứ ba chỉ được sử dụng cho **đánh giá chính**. Cột được phục vụ cho chuyên gia đánh giá chấm điểm cho từng chỉ số Woodmark, và cho từng tiêu chuẩn FSC. Hệ thống chấm điểm được mô tả dưới đây:

Chấm điểm

Hệ thống chứng nhận Woodmark dựa trên việc ghi chép các quan sát thực tế bởi thanh tra viên, và thứ hai trên các phán đoán chuyên môn của chuyên gia đánh giá để xem từng chỉ số Woodmark và Tiêu chuẩn FSC đã được đáp ứng. Sẽ có vài người quản lý rừng có thể đáp ứng mỗi trong các chỉ số một cách liên tục.

Đối với mỗi chỉ số Woodmark, chuyên gia đánh giá sẽ đánh dấu cột thứ tư với biểu tượng thích hợp (xem dưới đây):

Y hoặc ☒ = Chỉ số được đáp ứng,
N hoặc x = Chỉ số chưa được đáp ứng
NA = Chỉ số không thể áp dụng trong trường hợp này.

Các đánh dấu này không có một tác dụng cứng nhắc về quyết định cấp giấy chứng nhận, nhưng sẽ chỉ ra mức độ tuân thủ hoặc không tuân thủ chung.

Giai đoạn tiếp theo quan trọng hơn cho việc quyết định. Đối với mỗi tiêu chuẩn FSC, chuyên gia đánh giá sẽ đề nghị một điểm giữa 1 và 5, trên cơ sở sau đây:

1. Không Tuân thủ chính. Thực hiện tiêu chuẩn nhìn chung không thể tạo nên sự quản lý tốt tài nguyên rừng. Hoặc là có bằng chứng về quản lý kém, hoặc có nguy cơ đáng kể rằng các vấn đề sẽ gây ra hậu quả nếu không thực hiện biện pháp khắc phục;
Không tuân thủ sẽ được coi là lỗi lớn nếu, hoặc một mình hoặc kết hợp với việc không tuân thủ các chỉ số khác, kết quả là, hoặc có khả năng dẫn đến một thất bại cơ bản trong việc tuân thủ các mục tiêu của Tiêu chuẩn FSC liên quan trong Đơn vị quản lý rừng trong một phạm vi đánh giá.

tiếp tục trong một khoảng thời gian dài, *hoặc* được lặp đi lặp lại hoặc có hệ thống, *hoặc* ảnh hưởng đến một khu vực lớn, *hoặc* không được khắc phục hoặc được đáp ứng đầy đủ bởi người quản lý rừng một khi được xác định.

Không tuân thủ chính nói chung sẽ cho kết quả trong một Điều kiện tiên quyết hoặc Điều kiện chính.

2. Không tuân thủ nhỏ (lỗi nhỏ). Các chỉ số tiêu chuẩn quan trọng nhất được đáp ứng, nhưng có các yếu tố nên được cải thiện để đảm bảo duy trì quản lý tốt trong một thời gian dài;

Không tuân thủ có thể được xem là nhỏ nếu:

Nó là một sai sót tạm thời, *hoặc*

Nó là bất thường/không có hệ thống, *hoặc*

Tác động của việc không tuân thủ giới hạn trong quy mô không gian và thời gian, và thực hiện biện pháp khắc phục phù hợp để đảm bảo rằng nếu nó sẽ không được lặp lại, và nó không dẫn đến một thất bại cơ bản để đạt được mục tiêu của Tiêu chuẩn FSC liên quan.

Không tuân thủ nhỏ sẽ dẫn đến một Điều kiện hoặc Quan sát.

3. Tuân thủ. Điểm 3 là những gì sẽ được kỳ vọng từ một doanh nghiệp được quản lý tốt về loại, kích thước, và độ phức tạp của ứng viên. Cấp độ đạt được này thể hiện quản lý rừng tốt.
4. Sức mạnh. Điểm 4 thể hiện một mức độ thực hiện tiêu chuẩn cao. Điểm 4 có thể được cấp khi doanh nghiệp quản lý rừng đã vượt qua những trở ngại cụ thể để đạt được mức độ thực hiện, hoặc được điểm đặc biệt cao trên vài khía cạnh của tiêu chuẩn, mặc dù những cái khác thì không.
5. Sức mạnh. Điểm 5 sẽ được trao cho việc thực hiện xuất sắc một tiêu chuẩn cụ thể. Một điểm 5 công nhận chứng nhận xuất sắc trong việc đạt được tiêu chuẩn thông qua các sáng tạo hoặc cách quản lý. Một điểm 5 có thể được cấp đôi cho khía cạnh quản lý về kỹ thuật, xã hội hoặc môi trường.

Ví dụ danh sách kiểm tra hoàn thiện của thanh tra viên

Tiêu
chuẩn
FSC

Tiêu chí
FSC

Quy định của
Soil
Association
Woodmark

TIÊU CHUẨN FSC # 5: LỢI ÍCH TỪ RỪNG Các hoạt động quản lý rừng phải khuyến khích sử dụng có hiệu quả các sản phẩm đa dạng của rừng và các dịch vụ khác để đảm bảo sự bền vững về kinh tế và các lợi ích khác về môi trường và xã hội.			
QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGƯỜI KIỂM ĐỊNH	BÌNH LUẬN VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	ĐIỂM
Tiêu chí FSC 5.1 Quản lý rừng phải đạt được sự bền vững về kinh tế, trong khi vẫn quan tâm đầy đủ các vấn đề về môi trường, xã hội, các chi phí sản xuất và đảm bảo duy trì đầu tư cần thiết cho năng suất sinh thái của rừng		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	3
5.1.1 Đơn vị quản lý rừng có một kế hoạch làm việc và ngân sách chi ra các chi phí và doanh thu dự kiến cho ít nhất một năm tài chính	Ngân sách hàng năm	Ngân sách đặt ra rõ ràng, chi phí và doanh thu dự kiến được thể hiện trong hai năm	✓
5.1.2 Thu nhập dự tính trong ngân sách hằng năm phù hợp với mức khai thác dự kiến các sản phẩm rừng (xem 5.6).	Sản lượng được ghi trong ngân sách hằng năm		✓
5.1.3 Thu nhập dự tính trong ngân sách hằng năm phù hợp với giá trị sản phẩm có thể so sánh được với định mức của khu vực hoặc quốc gia	Giá trị sản phẩm được ghi trong ngân sách hằng năm	Giá trị sản phẩm xuất hiện phần nào bị đánh giá cao	X
5.1.4 Ngân sách hằng năm được kết hợp với thuế tài nguyên, lệ phí hoặc thuế như yêu cầu	Ngân sách hằng năm	Hướng dẫn vùng: <i>Tiền bản quyền phải được trả cho các cơ quan hành chính lâm nghiệp địa phương trên cơ sở hàng năm (xem quy định FD 4.511a 1989)</i>	✓
Tiêu chí FSC 5.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh rừng và hoạt động tiếp thị có tác dụng khuyến khích sử dụng và chế biến tối ưu tại chỗ những sản phẩm đa dạng của rừng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	4
5.2.1 Chủ rừng tính toán tỷ lệ sản xuất của họ đáp ứng các doanh nghiệp địa phương, chẳng hạn những doanh nghiệp qui mô nhỏ trừ khi có một lý do nào quan trọng hơn (xem 5.4 dưới đây về định mức liên quan)	Thông tin bán hàng Thảo luận với cộng đồng địa phương	Cam kết quản lý rõ ràng để khuyến khích người chế biến địa phương với chiến lược bằng văn bản, vài công ty địa phương đã cung cấp với gỗ	✓
Tiêu chí FSC 5.3 Quản lý rừng phải giảm thiểu phế thải của hoạt động khai thác và chế biến tại chỗ và tránh hư hại cho các tài nguyên rừng khác.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	2
1 Những xưởng chế biến được lựa chọn trên cơ sở liên quan đến nhu cầu giảm thiểu phế thải của gỗ	Đánh giá việc mua máy móc gần đây	Không có mua bán gần đây, không có yêu cầu ngăn hạn đối với máy móc thêm	NA
2 Gỗ được khai thác và chế biến ngay sau khi chặt hạ để giảm thiểu lãng phí	Không có bằng chứng về phế thải của việc khai thác và chế biến	Vài bằng chứng về lãng phí gỗ ở trên đường	X

Điểm (đối
với tiêu
chí 5.1)

Hướng
dẫn vùng

Điểm của
chuyên gia
đánh
giá(cho quy

Người
kiểm định

Góp ý của
người kiểm
định

Căn cứ quyết định cấp chứng nhận

Woodmark sẽ sử dụng điểm số được đề nghị của chuyên gia đánh giá để đi đến quyết định cấp giấy chứng nhận.

Thứ nhất, điểm “1” trên bất kỳ tiêu chuẩn thông thường thể hiện sự không tuân thủ chính với Tiêu chuẩn, và yêu cầu một số hành động khắc phục cần được thực hiện bởi người quản lý rừng trước khi có thể cấp giấy chứng nhận. Các biện pháp khắc phục hợp lý có thể được thảo luận với thanh tra viên, nhưng cuối cùng chuyên gia đánh giá không thể cung cấp tư vấn rõ ràng về biện pháp khắc phục phù hợp để đáp ứng yêu cầu cấp chứng chỉ. Vai trò của chuyên gia đánh giá là xác định vấn đề; vai trò của người quản lý rừng là tìm giải pháp.

Thứ hai, điểm “2” trên bất kỳ tiêu chuẩn nào thông thường thể hiện một sự không tuân thủ nhỏ, và sẽ dẫn đến hoặc một “điều kiện” được khuyến nghị cho việc cấp chứng chỉ, hay là một “sự quan sát”. “Điều kiện” là những biện pháp khắc phục mà người quản lý rừng sẽ được yêu cầu để thực hiện trong một khoảng thời gian đã định (thông thường 1 đến 2 năm). Một giấy chứng nhận có thể vẫn được cấp, với điều kiện người quản lý rừng thực hiện biện pháp khắc phục trong khoảng thời gian cụ thể. Woodmark sẽ kiểm tra tại các chuyến giám sát hàng năm tiếp theo. Một “sự quan sát” không *yêu cầu* bất cứ biện pháp khắc phục về phía người quản lý, những thể hiện một khu vực sẽ được xem xét chặt chẽ bởi chuyên gia đánh giá trong những lần kiểm tra tiếp theo.

Thứ ba, điểm cho mỗi Tiêu chuẩn FSC sẽ được gộp với nhau và tính trung bình. Để cho Woodmark cấp giấy chứng nhận, người quản lý rừng phải có điểm trung bình ít nhất là 3 (mức thể hiện sự quản lý rừng tốt) trên *mỗi tiêu chí FSC*. Nếu điểm trên mỗi tiêu chí ít hơn 3, Woodmark sẽ không cấp giấy chứng nhận mặc dù không xác định bất cứ điều kiện cụ thể nào. Điều này không có nghĩa là doanh nghiệp lâm nghiệp trượt – nhưng các công việc tiếp theo được yêu cầu trên tiêu chí cụ thể đó trước khi có thể cấp giấy chứng nhận. Nếu người quản lý rừng thực hiện biện pháp khắc phục trong một khoảng thời gian phù hợp, chuyên gia đánh giá của Woodmark sẽ thực hiện kiểm tra các yêu cầu đối với tiêu chuẩn đó, và nếu việc thực hiện sau đó đạt 3 hoặc hơn thì chứng chỉ có thể được cấp.

Trường hợp một tiêu chuẩn FSC riêng lẻ - ví dụ tiêu chuẩn 6.2 – được chia nhỏ, mỗi sự chia nhỏ sẽ được tính tổng và tính trung bình để có một con số duy nhất cho tiêu chuẩn. Đây là con số sẽ đóng góp vào điểm tổng thể của Tiêu chí. Tuy nhiên, điểm “1” đối với một tiêu chuẩn phụ sẽ vẫn được coi như một sự không tuân thủ chính, dẫn đến vấn đề điều kiện trước để cấp giấy chứng nhận.

Xem xét khuyến nghị và điểm của chuyên gia đánh giá

Khuyến nghị của chuyên gia đánh giá không phải là không thể thay đổi được. Woodmark sẽ chỉ không thay đổi quyết định cấp giấy chứng nhận sau khi báo cáo của chuyên gia đánh giá được xem xét bởi ứng viên, và sau khi báo cáo được xem xét bởi Ban xem xét đánh giá đồng cấp của chúng tôi.

Chúng tôi sẽ xem xét những góp ý của người quản lý rừng, và của Ban xem xét đánh giá đồng cấp. Chúng tôi sẵn sàng thảo luận các điều kiện trước, hoặc điều kiện để cấp giấy chứng nhận, và làm rõ bất cứ vấn đề nổi bật nào. Điểm được khuyến nghị bởi chuyên gia đánh giá có thể được thay đổi theo kết quả của quá trình này.

Một khi chúng tôi hoàn thành việc này, chúng tôi sẽ hoàn chỉnh báo cáo đánh giá cấp giấy chứng nhận và hoàn thiện quyết định cấp giấy chứng nhận của chúng tôi.

TỔNG KẾT ĐIỂM CHO MỖI TIÊU CHUẨN FSC	
TIÊU CHÍ	ĐIỂM
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	

TỔNG KẾT ĐIỂM CHO MỖI TIÊU CHUẨN FSC

Tiêu chuẩn 1	
Tiêu chí	Điểm
1.1	
1.2	
1.3	
1.4	
1.5	
1.6	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 1	

Tiêu chuẩn 2	
Tiêu chí	Điểm
2.1	
2.2	
2.3	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 2	

Tiêu chuẩn 3	
Tiêu chí	Điểm
3.1	
3.2	
3.3	
3.4	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 3	

Tiêu chuẩn 4	
Tiêu chí	Điểm
4.1	
4.2	
4.3	
4.4	
4.5	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 4	

Tiêu chuẩn 5	
Tiêu chí	Điểm
5.1	
5.2	
5.3	
5.4	
5.5	
5.6	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 5	

Tiêu chuẩn 6	
Tiêu chí	Điểm
6.1	
6.2a, 6.2b, 6.2c	
6.3	
6.4	
6.5a, 6.5b, 6.5c	
6.6a, 6.6b, 6.6c	
6.7	
6.8	
6.9	
6.10	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 6	

Tiêu chuẩn 7	
Tiêu chí	Điểm
7.1a, bi, bii, c, d, e, f, g, h,	
7.2	
7.3	
7.4	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 7	

Tiêu chuẩn 8	
Tiêu chí	Điểm
8.1	
8.2i, ii, iii, iv	
8.3	
8.4	
8.5	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 8	

Tiêu chuẩn 9	
Tiêu chí	Điểm
9.1	
9.2	
9.3	
9.4	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 9	

Tiêu chuẩn 10	
Tiêu chí	Điểm
10.1	
10.2a,b,c	
10.3	
10.4	
10.5	
10.6	
10.7	
10.8	
10.9	
Tất cả tiêu chí với điểm 1 hoặc 2:	
Điểm trung bình cho Tiêu chuẩn 10	

TIÊU CHUẨN FSC #1: TUÂN THEO PHÁP LUẬT VÀ NGUYÊN TẮC CỦA FSC Quản lý rừng phải tuân theo pháp luật, những quy định hiện hành của quốc gia, và các hiệp ước và thỏa thuận quốc tế mà quốc gia tham gia ký kết, và tuân thủ với tất cả Tiêu chuẩn và Tiêu chí của FSC.			
CÁC QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGƯỜI KIỂM ĐỊNH	GÓP Ý VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 1.1 Hoạt động quản lý rừng phải tôn trọng pháp luật hiện hành của quốc gia và địa phương và các yêu cầu hành chính.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Không có các khiếu nại lớn về sự không tuân thủ với các điều Luật của quốc gia và địa phương và các yêu cầu hành chính liên quan đến quản lý rừng.	Tư vấn với các cơ quan quản lý và các bên liên quan khác Không có bằng chứng cho việc không tuân thủ từ đánh giá Các chính sách và thủ tục quản lý rừng thể hiện sự cam kết với các yêu cầu liên quan	Hướng dẫn vùng: lưu ý những luật liên quan và các yêu cầu hành chính: Hướng dẫn vùng: lưu ý những người có uy tín	
2 Chủ rừng thể hiện sự hiểu biết về các điều luật hướng dẫn, thỏa thuận liên quan	Thảo luận với chủ rừng		
3 Chủ rừng tuân thủ với các nội dung của các bộ Luật liên quan bên trên, hướng dẫn và thỏa thuận liên quan	Thảo luận với chủ rừng Chính sách và thủ tục quản lý rừng		
Tiêu chí FSC 1.2 Nộp đầy đủ các khoản, lệ phí, thuế, các khoản phải nộp khác theo qui định của luật pháp.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Chủ rừng có thể cung cấp bằng chứng thể hiện việc nộp đầy đủ các khoản, lệ phí, thuế, các khoản phải nộp khác.	Hóa đơn Tài khoản Không có bằng chứng về việc không nộp	Hướng dẫn vùng: lưu ý các khoản, lệ phí, thuế, các khoản phải nộp	

Tiêu chí FSC 1.3 Ở các nước tham gia ký kết, tất cả các thỏa thuận quốc tế như các Công ước CITES, công ước về lao động quốc tế (ILO), Thỏa thuận quốc tế về thương mại gỗ nhiệt đới (ITTA) và Công ước về đa dạng sinh học phải được tôn trọng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1. Chủ rừng tôn trọng các yêu cầu của Công ước CITES.	Thảo luận với chủ rừng Các loài trong công ước CITES được bảo vệ (xem Phụ lục 3) Giấy phép xuất khẩu có sẵn khi yêu cầu	Hướng dẫn vùng: lưu ý những loài tự nhiên trên phụ lục CITES 1 và 2	
2 Chủ rừng thực hiện các kiểm soát thích hợp để đảm bảo rằng điều khoản của công ước CITES được tôn trọng. Thực hiện các công ước ILO sau nhu một yêu cầu tối thiểu cho việc cấp chứng chỉ: 29, 87, 97, 98, 100, 105, 111, 131, 138, 141, 142, 143, 155, 169, 182, Bộ Luật ILO về thực hành An toàn và sức khỏe trong công tác rừng, Khuyến nghị 135, Khuyến nghị sửa đổi lương tối thiểu, 1970	Thảo luận với chủ rừng Chính sách và thủ tục Xem Phụ lục 5 để biết thêm thông tin về công ước ILO	Hướng dẫn vùng: lưu ý những nghị định ILO được áp dụng Lưu ý một số nghị định ILO được đề cập trong tiêu chuẩn 3, 4, 7	
3 Không sử dụng lao động trẻ em	Nghị định ILO 138 & 182, Tuyên bố 1998, hoặc luật pháp quốc gia tương đương. Phỏng vấn với công nhân và các tổ chức hoặc liên hiệp lao động, Hồ sơ thanh tra lao động Kiểm tra hiện trường	Theo hướng dẫn chung, lao động trẻ em dưới 15 tuổi không nên được sử dụng (ILO 138 điều 3). Pháp luật quốc gia có thể có yêu cầu cao hơn. Lao động những người trẻ dưới 18 tuổi không nên được sử dụng trong các hoạt động có tính độc hại đáng kể như sử dụng thuốc trừ sâu, khai thác, công việc nặng nhọc, làm việc vào ban đêm, trừ khi tồn tại quy định đặc biệt đối với các trường hợp an toàn hoặc truyền thống/cộng đồng.	
4 Các điều khoản lương tối thiểu quốc gia được sửa đổi			
5 Không có lao động cưỡng bức hoặc lao động nợ	Công ước ILO 28 & 105, Tuyên bố ILO năm 1998, hoặc luật pháp quốc gia tương đương Phỏng vấn công nhân và các tổ chức hoặc liên hiệp lao động Hồ sơ thanh tra lao động		

6 Chủ rừng phải đảm bảo rằng các điều khoản của quy định ITTA mà phù hợp với khu vực của họ được tôn trọng.	Thảo luận với chủ rừng Chính sách và thủ tục Phỏng vấn với chủ rừng và các tổ chức hoặc liên hiệp lao động Hồ sơ thanh tra lao động	Hướng dẫn vùng: có phải nước tham gia ký kết với ITTA?	
7 Chủ rừng đảm bảo rằng các yêu cầu của Công ước đa dạng sinh học mà phù hợp với khu vực của họ được tôn trọng.	Thảo luận với chủ rừng Chính sách và thủ tục	Hướng dẫn vùng: lưu ý các điều khoản của Công ước đa dạng sinh học trong vùng	
8 Chủ rừng thực hiện các biện pháp kiểm soát hợp lý để đảm bảo tôn trọng các thỏa thuận quốc tế phù hợp khác.	Thảo luận với chủ rừng Chính sách và thủ tục	Hướng dẫn vùng: lưu ý bất cứ thỏa thuận quốc tế được áp dụng	
Tiêu chí FSC 1.4 Các mâu thuẫn giữa luật pháp, qui định và các Tiêu chuẩn và Tiêu chí của FSC phải được đánh giá theo từng trường hợp cho mục đích cấp chứng chỉ rừng bởi cơ quan cấp chứng chỉ và các bên có liên quan hoặc bị ảnh hưởng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Các mâu thuẫn giữa luật pháp, qui định và các Tiêu chuẩn và Tiêu chí của FSC được xác định bởi chủ rừng, và được xem xét bởi đoàn đánh giá	Thảo luận với chủ rừng Mâu thuẫn sẽ được đánh giá bởi Woodmark trong sự hợp tác với các đánh giá viên và các bên liên quan		
Tiêu chí FSC 1.5 Các khu vực rừng quản lý phải được bảo vệ không bị khai thác, định cư bất hợp pháp và các hoạt động không được phép khác		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Các đơn vị quản lý rừng được bảo vệ khỏi các hoạt động khai thác và các hoạt động khác không được theo dõi bởi chủ rừng hoặc người dân địa phương với các quyền sử dụng (ví dụ: định cư, khai thác và săn bắn bất hợp pháp).	Hệ thống bảo vệ bằng văn bản. Không có bằng chứng của bất cứ hoạt động không được phép đang diễn ra		
2 Thực hiện hệ thống kiểm soát và ngăn chặn các hoạt động không được phép	Các hệ thống bằng văn bản		
3 Người quản lý thực hiện tất cả các biện pháp hợp lý để chấm dứt việc sử dụng bất hợp pháp và không được phép của rừng.	Thảo luận với người quản lý		

Tiêu chí FSC 1.6 Chủ rừng phải thể hiện cam kết dài hạn để điều chỉnh theo các tiêu chuẩn và tiêu chí của FSC.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Chủ rừng sẽ cung cấp tuyên bố bằng văn bản thể hiện cam kết lâu dài của họ với Tiêu chuẩn và Tiêu chí FSC.	Văn bản cam kết phải được cấp quản lý phê duyệt Chủ rừng thể hiện sự hiểu biết và cam kết các Tiêu chuẩn và Tiêu chí FSC.		
2 Chủ rừng sẽ khai báo bất cứ khu vực nào thuộc sự quản lý của họ nhưng không bao gồm trong phạm vi đánh giá chứng chỉ.	Thảo luận với người quản lý Văn bản khai báo và danh sách khu vực sẵn có	Lưu ý cần đánh giá lại chính sách FSC về Chứng nhận về Chứng nhận một phần hoặc sự cắt xén	

TIÊU CHUẨN FSC #2: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG SỬ DỤNG ĐẤT Quyền và trách nhiệm sử dụng lâu dài đất và tài nguyên rừng phải được xác lập rõ ràng, tài liệu và được thiết lập theo luật pháp.			
CÁC QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGUỒN KIỂM ĐỊNH	GÓP Ý VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 2.1 Các bằng chứng rõ ràng về các quyền sử dụng rừng dài hạn đối với đất (như tên loại đất, các quyền truyền thống, hay các thỏa thuận thuê đất) phải được thể hiện.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Quyền sở hữu hoặc thuê mướn pháp lý có thể được chứng minh và không phải là đối tượng tranh chấp	Không có tranh chấp đáng kể Trong trường hợp tranh chấp, các văn bản quy phạm pháp luật như giấy tờ, hợp đồng thuê hoặc tài liệu thích hợp được cung cấp cho việc kiểm tra		
2 Bản đồ thể hiện rõ ràng ranh giới pháp lý.	Bản đồ		
3 Đất đai sử dụng cho quản lý rừng dài hạn.	Có bằng chứng cho thấy kế hoạch quản lý được xây dựng cho hơn một chu kỳ Không có bằng chứng về kế hoạch hoặc hoạt động ngăn chặn việc quản lý rừng dài hạn		

4 Cộng đồng có bằng chứng rõ ràng, đáng tin cậy và được công nhận chính thức, được xác nhận bởi chính cộng đồng, quyền sở hữu tập thể và kiểm soát của các khu vực họ sở hữu theo phong tục hoặc chiếm và sử dụng.	Công ước ILO 169 điều 14-17 Phòng vấn với đại diện cộng đồng địa phương và người bản địa Bản đồ thể hiện phạm vi các khu đất hoặc vùng lãnh thổ được công nhận Hồ sơ trong cơ sở dữ liệu và/hoặc phòng ban Lâm nghiệp		
Tiêu chí FSC 2.2 Các cộng đồng địa phương với các quyền sở hữu hay sử dụng hợp pháp hay truyền thống phải được duy trì, ở mức độ cần thiết để bảo vệ các quyền hoặc các nguồn tài nguyên của họ, trong các hoạt động lâm nghiệp trừ khi họ giao quyền kiểm soát với hoàn toàn đồng thuận cho các cơ quan khác.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Tất cả các quyền sở hữu hay sử dụng hợp pháp hay truyền thống các nguồn tài nguyên rừng của tất cả các cộng đồng địa phương phải có văn bản rõ ràng và được vẽ bản đồ bởi chủ rừng.	Thảo luận với chủ rừng Tham vấn với cộng đồng địa phương Bản đồ Tài liệu của tất cả các quyền về cách sử dụng đất chung và quyền hưởng lợi, etc.	Hướng dẫn vùng: xác định cộng đồng địa phương mà có quyền sở hữu hay sử dụng truyền thống trong khu vực:	
2 Tất cả các quyền sở hữu hợp pháp hay truyền thống hoặc các quyền sử dụng đối với tài nguyên rừng của tất cả các cộng đồng địa phương được công nhận và tôn trọng trong phương án quản lý rừng và trong thực tế.	Thảo luận với người quản lý Tham vấn với đại diện cộng đồng địa phương Bằng chứng của các thực hành và kế hoạch quản lý		

3 Các cộng đồng địa phương thực hiện việc kiểm soát đối với các hoạt động rừng trong phạm vi cần thiết để bảo vệ quyền lợi và tài nguyên của họ.	Sự tồn tại của các ủy ban tư vấn và các thủ tục chính thức Tham vấn với đại diện cộng đồng địa phương Sự đồng ý một cách tự nguyện được thông báo đối với các đại diện cộng đồng Không có tranh chấp đáng kể Bằng chứng bằng văn bản của các hợp đồng Không có bằng chứng do chủ rừng áp đặt mà không có sự đồng ý của cộng đồng địa phương Thanh toán hoặc bồi thường phù hợp với việc sử dụng tài nguyên rừng	Hướng dẫn vùng: Ở những quốc gia nơi mà cộng đồng địa phương thực tế ít phụ thuộc vào rừng nhưng giá trị của rừng về cảnh quan, tôn giáo hoặc giải trí cần phải tham khảo với đại diện các tổ chức như Hội đồng, nhóm công dân và các tổ chức về môi trường ở địa phương .	
Tiêu chí FSC 2.3 Phải áp dụng cơ chế thích hợp để giải quyết những mâu thuẫn về quyền sở hữu và sử dụng. Mọi tình huống nảy sinh và các mâu thuẫn lớn phải được xem xét cẩn thận trong quá trình đánh giá cấp chứng chỉ. Những mâu thuẫn lớn liên quan đến lợi ích của nhiều người thông thường được xem là không đạt yêu cầu cấp chứng chỉ.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Phải có cơ chế phù hợp để giải quyết mâu thuẫn giữa chủ rừng và cộng đồng địa phương về các quyền sở hữu và sử dụng đất	Tham vấn với đại diện cộng đồng địa phương	Hướng dẫn vùng: lưu ý những cơ chế tồn tại trong khu vực liên quan:	
2 Chủ rừng phải tôn trọng các cơ chế về giải quyết mâu thuẫn với cộng đồng địa phương về quyền sở hữu và sử dụng đất	Tham vấn với đại diện địa phương		

3 Phải có các chính sách quản lý và các quy định hoạt động yêu cầu rằng trong trường hợp có tranh chấp hoặc không đồng ý giữa cộng đồng địa phương và chủ rừng về quyền sử dụng đất, hoạt động lâm nghiệp mà có thể làm tổn hại đến các quyền trong tương lai của cộng đồng địa phương phải được tạm dừng đến khi tranh chấp được giải quyết.	Chính sách và thủ tục bằng văn bản		
4 Chủ rừng cung cấp cho các cộng đồng địa phương tiếp cận tới tài nguyên rừng mà không có quyền đất đai pháp lý hoặc truyền thống mà những tiếp cận này không làm tổn hại đến các mục tiêu về quản lý	Công ước ILO 169 hoặc luật pháp hoặc thỏa thuận quốc gia tương đương Tài liệu – hồ sơ của các diễn đàn đối với tham gia/cuộc họp Hồ sơ tòa án Tham vấn cộng đồng	Hướng dẫn vùng: Ghi chép bất cứ việc sử dụng chính thức tài nguyên của cộng đồng địa phương – những người không có quyền sử dụng hợp pháp hoặc truyền thống	
5 Không có bằng chứng của bất cứ tranh chấp đáng kể mà chưa được giải quyết có sự liên quan của một số quyền lợi đáng kể về quyền sở hữu và sử dụng đất.	Tham vấn cộng đồng	Hướng dẫn vùng: Ghi chép bất cứ mâu thuẫn chính thức liên quan đến quyền sở hữu và sử dụng đất	

TIÊU CHUẨN FSC #3: CÁC QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA

Các quyền pháp lý và truyền thống của người bản địa về sở hữu, sử dụng và quản lý đất, lãnh thổ, và các tài nguyên rừng của họ phải được công nhận và tôn trọng.

QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGUỒN KIỂM ĐỊNH	GÓP Ý VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 3.1 Người bản địa sẽ kiểm soát việc quản lý rừng trên đất và lãnh thổ của họ trừ khi giao quyền kiểm soát với hoàn toàn đồng thuận cho các cơ quan khác.		Cần phải lưu ý rằng các yêu cầu ở Tiêu chuẩn 2 áp dụng tất cả cho các trường hợp đặc biệt về các quyền của người bản địa. Các hoạt động của chủ rừng bên trong hoặc gần đất đai của người bản địa trong việc nhận biết quá trình quản lý và đồng thuận nghèo nàn trong những trường hợp đó trong quá khứ phải có các quan tâm bổ sung.	
1 Chủ rừng cần phải lưu trữ sự đồng nhất, vị trí, và dân số của tất cả các dân tộc bản địa và truyền thống bao gồm các nhóm di cư sống trong	Tài liệu	Hướng dẫn vùng: xác định các cộng đồng địa phương có quyền sở hữu hay sử dụng	

vùng lân cận của khu vực quản lý.	Không có bằng chứng của các nhóm không được lưu trữ bằng văn bản bởi chủ rừng.	truyền thống trong khu vực:	
2 Có tài liệu về tất cả các tuyên bố về các quyền về đất đai, phong tục và lãnh thổ trong khu vực quản lý và được ghi lại rõ ràng trên bản đồ	Bản đồ Tham vấn với đại diện cộng đồng		
3 Cộng đồng có liên quan đã xác định mình là bản địa hay bộ lạc	Công ước ILO 169 Điều 1(2)		
3 Không có các hoạt động quản lý rừng được tiến hành trong các khu vực mà được đề cập trong mục 3.1.2 ở trên, không có bằng chứng cụ thể hoặc rõ ràng về việc đồng thuận tự nguyện và được thông báo của cộng đồng địa phương về các quyền về đất đai, lãnh thổ và truyền thống của họ	Công ước ILO 169, Điều 6 (1) và 1 (2) Tham vấn với đại diện cộng đồng địa phương Bằng chứng về sự đồng thuận tự nguyện và được thông báo của cộng đồng địa phương Hồ sơ thông tin (EIA, v.v) được cung cấp cho các tổ chức đại diện Không có mâu thuẫn nào đáng kể Dẫn chứng bằng văn bản về các thỏa thuận Thanh toán hoặc bồi thường phù hợp với việc sử dụng tài nguyên rừng.		
Tiêu chí FSC 3.2 Quản lý rừng sẽ không tác động xấu hoặc làm giảm, trực tiếp hoặc gián tiếp, đến quyền sử dụng đất và sở hữu tài nguyên của người dân sở tại.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Trước khi tiến hành hoạt động lâm nghiệp nằm ngoài khu vực quản lý mà gần với đất đai của những người bản xứ, thì phải có các ranh giới giữa hai bên được đóng góp dưới sự giám sát của cộng đồng	Kiểm tra tại hiện trường Tham vấn cộng đồng		
2 Các hoạt động quản lý rừng phải tài liệu hóa bất cứ các tác động xấu tiềm năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, đến các nguồn tài nguyên hoặc các	Các chính sách và thủ tục bằng văn bản Không có bằng chứng của các hoạt	Hướng dẫn: Xác định bất cứ các tác động tiềm năng đối với tài nguyên của người	

quyền của người dân bản địa (làm tổn hại đến nguồn nước và các loài động vật hoang dã)	động này Tham vấn cộng đồng	dân bản địa lắng nghe.	
3 Các hoạt động quản lý rừng phải có chính sách và thủ tục bằng văn bản phù hợp để ngăn chặn bất cứ sự xâm lấn, hoặc đe dọa trực tiếp hoặc gián tiếp tới các nguồn tài nguyên hoặc các quyền của những người dân bản địa đó.	Các chính sách và thủ tục bằng văn bản Không có bằng chứng về việc xâm lấn hoặc tác động xấu tới các nguồn tài nguyên hoặc quyền của người dân bản địa Tham vấn địa phương		
4 Được cung cấp tiếp cận truyền thống cho sử dụng sinh hoạt và các hoạt động truyền thống	Công ước ILO 169 hoặc luật pháp tương đương Phòng vấn với đại diện cộng đồng địa phương hoặc công nhân và các tổ chức hoặc liên hiệp lao động của họ Phòng vấn với đại diện người bản địa.		
Tiêu chí FSC 3.3 Những nơi có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo đối với người bản địa sẽ được xác định rõ ràng với sự hợp tác của họ, và được công nhận và bảo vệ bởi những người quản lý rừng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Các chính sách và thủ tục cho việc xác định, lưu trữ và lập bản đồ của những địa điểm khảo cổ học, tôn giáo, lịch sử hoặc mang tính nhạy cảm văn hóa khác trước khi bắt đầu các hoạt động quản lý rừng trong khu vực quản lý nhìn chung phải được ghi lại bằng văn bản và được thực hiện	Các chính sách và thủ tục bằng văn bản Hồ sơ Bản đồ	Hướng dẫn vùng: cần phải lưu ý rằng bất kỳ các khu vực được biết về khảo cổ, tôn giáo, lịch sử và các vấn đề nhạy cảm về tôn giáo khác trong khu vực quản lý	
2 Khi xây dựng các chính sách và thủ tục cần sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc xác định các khu vực như vậy	Hồ sơ tham gia Tư vấn với đại diện của người dân bản địa		
3 Chính sách và thủ tục đối với việc xác định và bảo vệ của các địa điểm đó trong suốt các hoạt động quản lý (ví dụ: khai thác, xây dựng đường xá,	Thủ tục bằng văn bản	Tiêu chí	

etc) được tài liệu hóa bằng văn bản và được thực hiện.	Nhân viên được thông báo		
4 Các chính sách và thủ tục đối với việc bảo vệ hoặc quản lý phù hợp của các địa điểm được xác định được tài liệu hóa và được thực hiện.	Chính sách và thủ tục được tài liệu hóa Tài liệu lập kế hoạch quản lý	Hướng dẫn vùng: cần lưu ý bất kỳ các quy định về bảo vệ và quản lý các vùng như vậy hoặc thông báo các cơ quan thích hợp về sự tồn tại các khu vực như vậy	
5 Tất cả các kế hoạch bảo vệ hoặc quản lý của các khu vực đó phải tùy theo sự đồng thuận đầy đủ và được thông báo cho các đại diện thích hợp của người bản địa			
Tiêu chí FSC 3.4 Người bản địa sẽ được chi trả cho việc sử dụng các kiến thức truyền thống của họ về sử dụng các loại cây rừng hoặc các hệ thống quản lý trong các hoạt động lâm nghiệp. Việc bồi thường này phải được thống nhất với họ và đồng thuận trước khi tiến hành các hoạt động.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Chủ rừng ghi lại tất cả việc sử dụng các kiến thức truyền thống chính thức (ví dụ: về việc sử dụng các loại cây rừng hoặc các hệ thống quản lý) trong hoạt động lâm nghiệp.	Ghi chép	Hướng dẫn vùng: lưu ý bất cứ việc áp dụng chính thức kiến thức truyền thống trong việc sử dụng các loài lâm nghiệp hoặc hệ thống quản lý trong khu vực:	
2 Công đồng địa phương được thông báo về tất cả việc sử dụng đó, bao gồm những lợi ích thương mại tiềm năng của những việc sử dụng đó đối với doanh nghiệp quản lý rừng.	Ghi chép Thảo luận với đại diện cộng đồng địa phương		
3 Cộng đồng địa phương được đền bù một cách công bằng cho bất cứ việc sử dụng nào mà có thỏa thuận trước	Văn bản về thủ tục và các mức thanh toán cho việc bồi thường Ghi chép việc thanh toán		

TIÊU CHUẨN FSC #4: CÁC QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC QUYỀN CỦA NGƯỜI CÔNG NHÂN
Các hoạt động quản lý rừng sẽ duy trì hoặc tăng cường phúc lợi kinh tế và xã hội lâu dài cho các công nhân lâm nghiệp và các cộng đồng địa phương.

QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGUỒN KIỂM ĐỊNH	GÓP Ý VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 4.1 Các cộng đồng trong, hoặc liên kế khu vực quản lý rừng phải có được các cơ hội việc làm, đào tạo và các dịch vụ khác.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Những người địa phương và những người phụ thuộc vào rừng có tiếp cận công bằng tới các cơ hội nghề nghiệp và đào tạo	Công ước 169, hoặc luật pháp hoặc thỏa thuận quốc gia tương đương Chiến lược tuyển dụng Hồ sơ về việc làm của nhân viên địa phương Quảng cáo trên tờ báo địa phương Thảo luận với cộng đồng địa phương		

2 Tất cả những cố gắng hợp lý, phù hợp với kích thước, loại và vị trí của doanh nghiệp quản lý rừng, được thực hiện để bảo đảm rằng các thành viên của cộng đồng địa phương có tiếp cận với các dịch vụ cơ bản (ví dụ: y tế và giáo dục).	Hỗ trợ các cơ sở y tế địa phương Cung cấp nước sạch Cung cấp chỗ ở cho công nhân Cung cấp nhà trẻ hay trường tiểu học Cung cấp đào tạo	Hướng dẫn vùng: Nói rõ những loại dịch vụ mong đợi sẽ được cung cấp bởi một đơn vị có trách nhiệm trong khu vực liên quan Đề cập bất kỳ luật hoặc quy định liên quan	
3 Công nhân không bị phân biệt đối xử trong tuyển dụng, thăng tiến, miễn nhiệm, thù lao và việc làm liên quan đến an sinh xã hội	Công ước ILO 100 & 111, Tuyên bố ILO 1998, hoặc luật pháp quốc gia tương đương Phỏng vấn với công nhân và tổ chức hoặc liên hiệp công nhân của họ Bảng lương (của doanh nghiệp và/hoặc người đầu thầu) Hồ sơ thanh tra lao động		
4 Tiền lương hoặc thu nhập của lao động tự do hoặc nhà thầu ít nhất cao bằng những người trong nghề có thể so sánh được trong cùng một vùng và không có trường hợp thấp hơn mức lương tối thiểu được thiết lập	Công ước ILO 131 hoặc luật pháp quốc gia tương đương Phỏng vấn với công nhân và tổ chức hoặc liên hiệp lao động của họ Bảng lương (của doanh nghiệp và/hoặc nhà thầu) Hồ sơ thanh tra lao động		
Tiêu chí FSC 4.2 Quản lý rừng phải đáp ứng hoặc thực hiện vượt tất cả các luật lệ và/hoặc qui định được áp dụng về y tế và an toàn của các công nhân và gia đình của họ.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Người quản lý hiểu biết với các hướng dẫn và qui định về y tế và an toàn.	Các bản sao về các hướng dẫn và qui định có thể tiếp cận Thảo luận với người quản lý	Hướng dẫn vùng: lưu ý tất cả những hướng dẫn và quy định về an toàn và y tế	
2 Chủ rừng đánh giá với rủi ro với công nhân của những công việc và trang bị cụ thể, và thực hiện tất cả các phương pháp hợp lý để giảm thiểu hoặc giảm dần các rủi ro như vậy	Văn bản đánh giá rủi ro Thảo luận với người quản lý		
3 Đào tạo về an toàn được thực hiện, phù hợp với công việc của công nhân và trang thiết bị được sử dụng.	Thủ tục đào tạo được tài liệu hóa Ghi chép về đào tạo Nhân viên hiểu biết các quy định an toàn		

4 Công nhân được cung cấp trang thiết bị an toàn, phù hợp với nhiệm vụ của công nhân và trang thiết bị sử dụng	Có sẵn các thiết bị an toàn và trong điều kiện tốt		
5 Người quản lý thực hiện tất cả các biện pháp hợp lý để đảm bảo công nhân sử dụng bất cứ trang thiết bị an toàn nào được cung cấp	Mô tả công việc của chủ rừng Biện pháp kỷ luật đối với việc không sử dụng các thiết bị an toàn		
6 Người quản lý ghi lại tất cả tai nạn lao động liên quan và tử vong của người lao động và các nguyên nhân, ghi lại các biện pháp được tiến hành để ngăn chặn các tai nạn tương tự trong tương tại và thực hiện các biện pháp ngăn chặn.	Ghi chép Thảo luận với người quản lý Bằng chứng về các biện pháp ngăn ngừa được thực hiện		
7 Các lợi ích bồi thường được bảo đảm trong trường hợp tai nạn.	Thủ tục bồi thường được tài liệu hóa Phải lưu trữ các hồ sơ về chi trả		
8 Các biện pháp về y tế và an toàn tuân thủ các yêu cầu tối thiểu của quốc gia	Không có bằng chứng về việc không tuân thủ Như phù hợp: Cần có cảm nang và thủ tục về an toàn lao động		
9 Trường hợp công nhân ở lại trong trại, điều kiện ăn ở và dinh dưỡng tuân thủ ít nhất với Bộ Luật ILO về thực hành an toàn và sức khỏe trong Lâm nghiệp	Công ước ILO 155, Bộ luật ILO về thực hành về an toàn (1988) hoặc luật pháp quốc gia tương đương Phỏng vấn với công nhân và tổ chức hoặc liên hiệp của họ và đại diện cộng đồng địa phương		
Tiêu chí FSC 4.3 Các quyền của công nhân lâm nghiệp được tổ chức và tự nguyện thỏa thuận với người thuê lao động được đảm bảo như đã đề cập trong Công ước 87 và 98 của Tổ chức lao động quốc tế.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Điều kiện về tuyển dụng tuân thủ Công ước 87 của Tổ chức lao động quốc tế (xem phụ lục 2) Công ước này liên quan đến quyền của công nhân: tự do về hiệp hội, bảo vệ các quyền tổ chức	Bản sao của nghị định 87 của ILO Thảo luận với người quản lý Điều kiện làm việc bằng văn bản Không có bằng chứng về việc không tuân thủ		

2 Điều kiện về tuyển dụng tuân thủ Công ước 98 của Tổ chức lao động quốc tế (xem phụ lục 2) Công ước này liên quan đến quyền của công nhân: tổ chức và đàm phán tập thể	Bản sao của nghị định 87 của ILO Thảo luận với người quản lý Điều kiện làm việc bằng văn bản Không có bằng chứng về việc không tuân thủ		
Tiêu chí FSC 4.4 Kế hoạch quản lý rừng và các hoạt động phải kết hợp các kết quả của đánh giá tác động xã hội. Trao đổi sẽ được duy trì với cá nhân và các nhóm (nam và nữ) trực tiếp chịu ảnh hưởng từ các hoạt động quản lý rừng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Người quản lý hoàn thành và thực hiện đánh giá tác động xã hội, phù hợp với phạm vi và cường độ của hoạt động của mình: - Xác định nhóm bị ảnh hưởng - Bao gồm tư vấn với nhóm bị ảnh hưởng - Xác định các tác động chính của các hoạt động trên những nhóm đó - Qui định cụ thể các biện pháp để cải thiện các tác động tiêu cực được xác định - Cung cấp liên lạc thường xuyên với nhóm bị ảnh hưởng để giám sát hiệu quả các biện pháp.	Ghi chép		
2 Kết quả của đánh giá tác động xã hội được kết hợp với quyết định quản lý	Công ước ILO 169, hoặc luật pháp hoặc thỏa thuận quốc gia tương đương Kế hoạch quản lý hoặc tài liệu hỗ trợ		
3 Chủ rừng thực hiện một hệ thống tư vấn không ngừng với người dân địa phương và các nhóm quan tâm (cả đàn ông và phụ nữ)	Thảo luận với chủ rừng		
Tiêu chí FSC 4.5 Các cơ chế thích hợp phải được áp dụng để giải quyết khiếu nại và thực hiện đền bù công bằng trong trường hợp làm mất hoặc gây thiệt hại đến những quyền lợi hợp pháp hoặc theo phong tục, đến tài sản, tài nguyên, hoặc cuộc sống của người dân sống tại. Phải có những biện pháp phòng ngừa những tác hại như vậy.		Đối thoại thường xuyên sẽ tạo nên lòng tin thông qua tính minh bạch của các hành động, thuận lợi hơn cho việc trao đổi thông tin và ý kiến.	
1 Các cơ chế thích hợp để giải quyết khiếu nại được ghi lại bằng văn bản và được thực hiện.	Văn bản về cơ chế giải quyết khiếu nại Việc sử dụng cơ chế được ghi chép lại Thủ tục luật định nếu có	Hướng dẫn vùng: cho ý kiến về có hay không việc tồn tại của các thủ tục luật định có được quan tâm một cách chính đáng để giải quyết khiếu nại về vấn đề này trong khu vực	

2 Các cơ chế thích hợp tồn tại và được thực hiện để thực hiện đền bù công bằng cho những người dân địa phương nơi quyền pháp lý hoặc phong tục, tài sản, tài nguyên hoặc cuộc sống đã bị thiệt hại.	Văn bản thủ tục về quyết định đền bù Thủ tục luật định nếu có	Hướng dẫn vùng: cho ý kiến về có hay không việc tồn tại của các thủ tục luật định có được quan tâm một cách chính đáng để giải quyết khiếu nại về vấn đề này trong khu vực	
3 Những thiệt hại vô ý tới nguồn tài nguyên bản địa và truyền thống, hoặc các vùng đất gần kề, bản địa và truyền thống sẽ được bồi thường như thỏa thuận với chính cộng đồng bản địa và truyền thống	Bảng chứng bồi thường trong trường hợp thiệt hại Bảng chứng cộng đồng giám sát trong quyết định bồi thường		
4 Cơ chế tồn tại để giải quyết mâu thuẫn thông qua tham vấn nhằm mục đích đạt được thỏa thuận hoặc đồng ý, tránh thiệt hại tới tài sản, tài nguyên, quyền, và sinh kế.	Thảo luận với chủ rừng Thủ tục bằng văn bản Công ước ILO 169 hoặc luật pháp hoặc thỏa thuận quốc gia tương đương		

TIÊU CHUẨN FSC # 5: CÁC LỢI ÍCH TỪ RỪNG

Các hoạt động quản lý rừng phải khuyến khích sử dụng có hiệu quả các sản phẩm đa dạng của rừng và các dịch vụ khác để đảm bảo sự bền vững về kinh tế và các lợi ích khác về môi trường và xã hội.

QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGUỒN KIỂM ĐỊNH	BÌNH LUẬN VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 5.1 Quản lý rừng phải đạt được sự bền vững về kinh tế, trong khi vẫn quan tâm đầy đủ các vấn đề môi trường, xã hội, các chi phí sản xuất và đảm bảo duy trì đầu tư cần thiết cho năng suất sinh thái của rừng	Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ		
1 Đơn vị quản lý rừng có một kế hoạch làm việc và ngân sách chỉ ra các chi phí và doanh thu dự kiến cho ít nhất một năm tài chính	Ngân sách hàng năm		
2 Thu nhập dự tính trong ngân sách hàng năm phù hợp với mức khai thác dự kiến các sản phẩm rừng (xem 5.6).	Sản lượng được ghi trong ngân sách hàng năm		
3 Thu nhập dự tính trong ngân sách hàng năm phù hợp với giá trị sản phẩm có thể so sánh được với định mức của khu vực hoặc quốc gia	Giá trị sản phẩm được ghi trong ngân sách hàng năm		

4 Ngân sách hằng năm được kết hợp với thuế tài nguyên, lệ phí hoặc thuê như yêu cầu	Ngân sách hằng năm	Hướng dẫn vùng: cung cấp thông tin về các yêu cầu vùng với sự tôn trọng các loại thuế hoặc các loại phí chi trả	
5 Ngân sách hằng năm quy định cụ thể bất cứ chi phí liên quan tới việc thực hiện cam kết về xã hội và môi trường được xác định trong nguyên tắc 4 và 6.	Ngân sách hằng năm		
Tiêu chí FSC 5.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh rừng và hoạt động tiếp thị có tác dụng khuyến khích sử dụng và chế biến tối ưu tại chỗ những sản phẩm đa dạng của rừng.	Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ		
1 Chủ rừng tính toán tỷ lệ sản xuất của họ đáp ứng các doanh nghiệp địa phương, chẳng hạn những doanh nghiệp quy mô nhỏ trừ khi có một lý do nào quan trọng hơn (xem 5.4 dưới đây về định mức liên quan)	Thông tin bán hàng Thảo luận với cộng đồng địa phương Lưu ý những nguyên nhân ngăn cản việc này		
Tiêu chí FSC 5.3 Quản lý rừng phải giảm thiểu phế thải của hoạt động khai thác và chế biến tại chỗ và tránh hư hại cho các tài nguyên rừng khác.	Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ		
1 Những xưởng chế biến được lựa chọn trên cơ sở liên quan đến nhu cầu giảm thiểu phế thải của gỗ	Đánh giá việc mua máy móc gần đây		
2 Gỗ được khai thác và chế biến ngay sau khi chặt hạ để giảm thiểu lãng phí	Không có bằng chứng về phế thải của việc khai thác và chế biến		
3 Sự lựa chọn máy móc chế biến tại chỗ bao gồm một đánh giá về sự cần thiết để giảm thiểu lãng phí gỗ, thiệt hại khu vực	Đánh giá sử dụng và mua bán máy móc		
Tiêu chí FSC 5.4 Quản lý rừng luôn tìm cách tăng cường và đa dạng hóa kinh tế địa phương, tránh phụ thuộc vào một loại sản phẩm rừng duy nhất.	Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ		
1 Có một đánh giá phạm vi của các sản phẩm và dịch vụ tiềm năng của rừng, bao gồm các loài cây	Giấy tờ/báo cáo nghiên cứu		

lấy gỗ ít được biết đến, lâm sản ngoài gỗ, và cơ hội cho việc tái tạo rừng	Kết quả khảo sát địa phương Thảo luận với người quản lý		
2 Người quản lý ý thức được vai trò của những sản phẩm và dịch vụ này trong nền kinh tế địa phương (hàng hóa thương mại hoặc trợ cấp)	Thảo luận với người quản lý		
3 Chủ rừng đánh giá khả năng sử dụng các loại gỗ ít được biết đến hoặc lâm sản ngoài gỗ, trong phạm vi kinh doanh của họ hoặc bởi các doanh nghiệp ở địa phương	Thảo luận với người quản lý Kết quả đánh giá		
4 Chủ rừng khuyến khích việc sử dụng các loại gỗ ít được biết đến và lâm sản ngoài gỗ bởi các doanh nghiệp địa phương mà không làm tổn hại các mục tiêu quản lý khác.	Thảo luận với người quản lý Kết quả đánh giá Có các doanh nghiệp địa phương		
Tiêu chí FSC 5.5 Các hoạt động quản lý rừng công nhận, duy trì, và tăng cường ở nơi thích hợp các giá trị, chức năng phục vụ của rừng và những tài nguyên rừng như phòng hộ và thủy sản.	Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ		
1 Chủ rừng có thông tin về việc sử dụng nước ở hạ nguồn đối với nguồn nước từ rừng (xem Tiêu chí 6.5b về định mức về việc duy trì nguồn nước và thủy sản)	Thảo luận với chủ rừng		
2 Chủ rừng có thông tin về hoạt động thủy sản bên trên, trong và dưới nguồn nước từ rừng (xem Tiêu chí 6.5b về định mức cho việc duy trì nguồn nước và thủy sản)	Thảo luận với chủ rừng		
3 Kế hoạch và hoạt động quản lý bao gồm việc bảo trì và tăng cường giá trị rừng đầu nguồn và thủy sản được xác định.			
Tiêu chí FSC 5.6 Mức độ khai thác sản phẩm rừng không được vượt quá mức có thể để duy trì tài nguyên rừng được ổn định lâu dài.	Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ		
1 Hệ thống lâm sinh trong kế hoạch quản lý được đề cập rõ ràng.	Kế hoạch quản lý và/hoặc các tài liệu liên quan		
2 Mức khai thác dự kiến trên cơ sở hằng năm, hoặc về lâu dài (hơn một chu kỳ) được đề cập rõ ràng	Kế hoạch quản lý và/hoặc các tài liệu liên quan		

3 Mức khai thác dự kiến được chứng minh một cách rõ ràng về sản lượng bền vững lâu dài của các sản phẩm lâm nghiệp mà trên đó, các kế hoạch quản lý dựa vào.	Kế hoạch quản lý Thông tin kiểm kê Mô hình tăng trưởng và năng suất		
4 Tất cả các giả định về tái sinh, tăng trưởng, sự phong phú, chất lượng và phạm vi phân bố của các loài có tính thương mại chính, và phù hợp với dữ liệu sẵn có tốt nhất cho địa phương từ nghiên cứu và/hoặc các kiểm kê liên quan	Kiểm kê rừng Giấy tờ nghiên cứu Tạp chí lâm nghiệp Hướng dẫn địa phương, vùng, hoặc quốc gia		
5 Mức khai thác dự kiến trong thời gian dài không vượt quá mong đợi của địa phương hoặc vùng về năng suất bền vững, có tính đến bất kỳ các biện pháp lâm sinh đã được áp dụng	Kiểm kê rừng Giấy tờ nghiên cứu Tạp chí lâm nghiệp Hướng dẫn địa phương, vùng, hoặc quốc gia		

TIÊU CHUẨN FSC #6: TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Quản lý rừng phải bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị có liên quan: tài nguyên nước, đất, các cảnh quan, hệ sinh thái mỏng manh và độc đáo để duy trì chức năng sinh thái và tính toàn vẹn của rừng.

QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGUỒN KIỂM ĐỊNH	BÌNH LUẬN VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 6.1 Đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện phù hợp theo phạm vi, mức độ quản lý rừng và tính độc đáo của các tài nguyên chịu ảnh hưởng. Các đánh giá sẽ bao gồm việc xem xét mức sinh cảnh cũng như các tác động hiện trường của trang thiết bị chế biến. Các tác động môi trường sẽ được đánh giá trước khi bắt đầu các hoạt động tại hiện trường.		Thông tin từ mô tả chi tiết tài nguyên rừng tại 7.1b nên được sử dụng để đánh giá các tác động. Đánh giá các tác động nên được sử dụng để tạo ra các biện pháp bảo vệ môi trường, được nêu chi tiết trong 7.1f	
1 Một hệ thống được quy định rõ ràng để bảo đảm việc đánh giá phù hợp các tác động môi trường được thực hiện trước khi tiến hành bất cứ hoạt động đáng lo ngại nào. Hệ thống: - Phù hợp với phạm vi, mức độ quản lý rừng - Có tính đến những xem xét mức sinh cảnh - Phù hợp với tính độc đáo của các tài nguyên bị ảnh hưởng -	Hệ thống được tài liệu hóa Hồ sơ kết quả đánh giá	Hướng dẫn vùng: xác định các hướng dẫn vùng hoặc luật pháp với sự tôn trọng các yêu cầu đối của đánh giá tác động môi trường	

2 Tồn tại một hệ thống đảm bảo các kết quả của đánh giá tác động có tính đến các hoạt động tiếp theo.	Hệ thống bằng văn bản Ghi chép các kết quả đánh giá		
Tiêu chí FSC 6.2a Bảo vệ các loại cây và sinh vật hiếm và có nguy cơ đe dọa (như các khu vực sinh đẻ và nuôi dưỡng).		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Sự tồn tại của các loại cây, sinh vật hiếm và có nguy cơ bị đe dọa và môi trường sống của chúng (như các khu vực sinh đẻ và nuôi dưỡng) được đánh giá dựa trên thông tin sẵn có chất lượng nhất.	Thảo luận với chủ rừng Ghi chép Tham vấn với các nhà sinh vật học địa phương	Hướng dẫn vùng: ghi chép lại bất cứ sinh vật hiếm và có nguy cơ bị đe dọa mà có khả năng có liên quan trong vùng	
2 Những khu vực có chứa hoặc có khả năng chứa các loài đó được xác định và đánh dấu trên bản đồ.	Bản đồ		
3 Các thủ tục có hiệu lực được ghi chép bằng văn bản và được thực hiện để bảo vệ các loài cây, sinh vật hiếm và có nguy cơ đe dọa	Kế hoạch quản lý và/hoặc tài liệu hỗ trợ		
Tiêu chí FSC 6.2b Vùng bảo tồn và các khu vực bảo vệ sẽ được thiết lập, thích hợp theo quy mô và mức độ quản lý rừng và tính đặc hữu của các tài nguyên bị ảnh hưởng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
4 Khu vực có tầm quan trọng vùng đặc biệt đối với đa dạng sinh học được xác định trên bản đồ, và được bảo vệ khỏi khai thác và các hoạt động làm phiền khác.	Bản đồ Tham vấn với các nhà sinh vật học địa phương Đi hiện trường		
5 Ít nhất chỉ định 10% diện tích như vùng bảo tồn, được xác định trên bản đồ, và được quản lý với đa dạng sinh học như một mục tiêu lớn.	Bản đồ Đi hiện trường	Hướng dẫn vùng: lưu ý các yêu cầu luật định đối với các khu vực được bảo vệ	
6 Ít nhất nửa diện tích (5% tổng diện tích rừng) được chỉ định thành diện tích được bảo vệ, được xác định trên bản đồ, và được bảo vệ khỏi khai thác thương mại.	Bản đồ Đi hiện trường		
7 Sự lựa chọn các khu bảo tồn và các khu vực được bảo vệ phù hợp với khả năng của họ để tối đa hóa sự đóng góp vào việc duy trì hoặc tăng cường đa dạng sinh học.	Bản đồ Tham vấn với các nhà sinh vật học địa phương		
8 Khu vực được bảo vệ bao gồm các ví dụ của tất cả các hệ sinh thái hiện có trong khu vực rừng.	Bản đồ Tham vấn với các nhà sinh vật học địa		

	phương		
9 Sự di chuyển của các loài động thực vật chính giữa các khu vực được bảo tồn và được khai thác được khuyến khích bằng cách giữ lại các hành lang rừng chưa được khai thác dựa vào dải sông suối với các liên kết lên sườn núi và qua rặng núi để kết nối bất cứ khu vực nào chưa được khai thác.	Kế hoạch quản lý và/hoặc tài liệu liên quan Kiểm tra hiện trường		
Tiêu chí FSC 6.2c Kiểm soát việc săn bắn, bắt cá, đánh bắt và tàng trữ.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
10 Tài liệu về các biện pháp kiểm soát săn bắn, bắt cá, đánh bắt và tàng trữ động vật hoặc thực vật.	Tài liệu Kế hoạch quản lý		
11 Thực hiện tất cả các biện pháp hợp lý để ngăn chặn săn bắn hoặc đánh bắt các loài được bảo vệ.	Thảo luận với chủ rừng		
Tiêu chí FSC 6.3 Các chức năng và giá trị sinh thái sẽ được duy trì nguyên vẹn, tăng cường, hoặc phục hồi, bao gồm: Ecological functions and values shall be maintained intact, enhanced, or restored, including: a) Tái sinh rừng và diễn thế rừng b) Di truyền, loài và đa dạng sinh học c) Chu kỳ tự nhiên ảnh hưởng đến năng suất của hệ sinh thái rừng		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Áp dụng hệ thống lâm sinh phù hợp với sinh thái của rừng.	Thảo luận với chủ rừng Thảo luận với nhà sinh vật học địa phương		
2 Xem xét các hệ thống sử dụng các khu vực khai thác trắng nhỏ, chặt chọn lọc và tạo ra lớp tuổi khác nhau.	Thảo luận với chủ rừng		
3 Các hoạt động rừng phải, nếu phù hợp với hệ thống lâm sinh, nhằm mục đích cho một hỗn hợp các khoảng khác nhau trong hình dạng, kích thước, loài và ngày trồng và chặt, hài hòa với cảnh quan.	Như trên		
4 Quy mô khai thác tương xứng với sự năng động tự nhiên của các loại rừng và khu vực đang được xem xét (trừ khi đưa ra các lý do lâm sinh rõ ràng)	Bảng chứng lịch sử nếu có Kế hoạch quản lý và/hoặc tài liệu hỗ trợ		
5 Quản lý diện tích rừng nhìn chung được xây dựng để bảo đảm bổ sung đầy đủ các loài cây tái tạo thành công trong diện tích rừng trong một vòng quay.	Thống kê trước khai thác Thống kê sau khai thác Số liệu khoa học sẵn có		

	Thảo luận với chủ rừng Thảo luận với các nhà sinh vật học địa phương		
6 Thiết kế cách thức chặt và tía thưa chọn lọc để duy trì sự đa dạng gen.	Thảo luận với chủ rừng Thảo luận với nhà sinh vật học địa phương		
7 Đa dạng sinh học thường xuyên được duy trì bằng việc giữ môi trường sống, ví dụ: thảm thực vật suối, thực vật trên các mỏm đá, đầm lầy và vùng đất hoang.	Kế hoạch quản lý và/hoặc tài liệu liên quan Bản đồ Kiểm tra hiện trường		
8 Giữ lại môi trường sống của gỗ chết đứng hoặc đổ, phù hợp với điều kiện địa phương.	Kế hoạch quản lý và/hoặc tài liệu liên quan Kiểm tra hiện trường		
Tiêu chí FSC 6.4 Duy trì và bảo vệ nguyên trạng các mẫu đại diện của các hệ thống sinh thái hiện có tương ứng với phạm vi và cường độ của hoạt động và tính thống nhất của các tài nguyên bị ảnh hưởng; và được thể hiện trên bản đồ.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Mẫu đại diện của các hệ sinh thái hiện có trong phạm vi cảnh quan được bảo vệ trong trạng thái tự nhiên và được ghi lại trên bản đồ, phù hợp với quy mô và cường độ của hoạt động và tính độc đáo của các nguồn tài nguyên bị ảnh hưởng. (Xem 6.2.8)	Kế hoạch quản lý Bản đồ Khảo sát Thanh tra hiện trường		
Tiêu chí FSC 6.5a Xây dựng và thực hiện các văn bản hướng dẫn về kiểm tra xói mòn, giảm thiểu hư hại rừng trong xây dựng đường, và tất cả các can thiệp cơ học khác.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Có văn bản chính sách và thủ tục về xây dựng đường mới và bảo trì đường	Chính sách và thủ tục	Hướng dẫn vùng: nơi nào có những hướng dẫn cấp quốc gia đối với xây dựng đường	
2 Chính sách và thủ tục bao gồm các định mức sau đây đối với việc thiết kế và xây dựng những đường mới: - Lên kế hoạch những con đường mới trên bản đồ địa hình chỉ rõ các dòng suối hiện có - Đường giao thông phù hợp với địa hình cho những thay đổi	Tài liệu Kiểm tra hiện trường đường		

- tối thiểu các tính năng tự nhiên sẽ xảy ra. - Xây dựng các con đường ở bất cứ nơi nào có thể trên rìa tự nhiên, các rặng núi dài và độ dốc ít. - Giảm thiểu xây dựng đường trong thung lũng hẹp, dốc, dễ bị trượt hoặc các khu vực không vững chắc khác, các kênh thoát nước tự nhiên và các rìa hồ - Đường giao thông không được xây dựng qua các khu vực nhạy cảm về môi trường. - Kè và cắt được ổn định để chống xói mòn - Ống dẫn nước và công được thiết kế để giảm thiểu xói mòn -			
3 Người vận hành máy móc được đào tạo đầy đủ và nhận thức được các yêu cầu với sự tôn trọng các nguồn tài nguyên nước.	Hồ sơ đào tạo Thảo luận với người vận hành máy móc		
Tiêu chí FSC 6.5b Xây dựng và thực hiện các văn bản hướng dẫn về bảo vệ tài nguyên nước		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
4 Chính sách và thủ tục đối với việc thiết kế và xây dựng đường mới bao gồm các chỉ tiêu sau đây có liên quan đến bảo vệ tài nguyên nước, được thực hiện: - Quy hoạch đường băng qua suối trước khi tiến hành hoạt động và phải được chỉ rõ trên bản đồ liên quan - Giảm thiểu số lượng đường băng qua suối - Đường băng qua suối ở góc bên phải của dòng - Đường thung lũng phía dưới và các đường mòn được giữ càng xa các khu suối càng tốt. - Các tuyến cống được thiết kế để chúng không cản trở sự di cư của cá, tạo ra vận tốc nước mạnh hoặc các lòng suối không phù hợp với cá - Ống dẫn nước không chảy vào kênh rạch tự nhiên. Trong trường hợp không tránh được, cài đặt bẫy phù sa thường xuyên.	Chính sách và thủ tục được ghi chép lại Kiểm tra hiện trường đường		
5 Không xây dựng các con đường mới trong các đáy hồ. Các đường hiện có được đóng cửa và xây dựng các đường thay thế.	Kiểm tra hiện trường		
6 Thiết lập các vùng đệm mà không có khai thác xung quanh các nguồn	Kiểm tra hiện trường		

nước lâu dài.			
7 Không có bằng chứng về sự tích tụ bùn hoặc các thiệt hại khác đến nguồn nước.	Kiểm tra hiện trường		
6.5c Xây dựng và thực hiện các văn bản hướng dẫn về giảm thiểu hư hại rừng trong khai thác		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
8 Ghi chép các chính sách và quy trình giảm thiểu hư hại rừng khi khai thác hoặc khai thác.	Quy trình được ghi chép lại		
9 Chính sách và thủ tục bao gồm các định mức sau, được thực hiện: a) Các khu vực bảo tồn được xác định, ít nhất là tạm thời, trước khi bắt cư hoạt động rừng nào bắt đầu hoặc gần đất. b) Máy móc khai thác không được xâm nhập vào các dòng suối ngoại trừ các đường vượt suối được thiết kế và chỉ định. c) Cành tỉa không được vớt xuống suối d) Khai thác được dừng lại khi tràn ngập đất e) Việc sử dụng các tấm thảm để gây được quy định cụ thể, phù hợp	Quy trình khai thác Kiểm tra hiện trường các địa điểm khai thác		
10 Thiết kế kỹ thuật khai thác để giảm thiểu xói mòn và rửa trôi.	Quy trình được ghi chép lại		
11 Thiết kế phương pháp khai thác và khai thác để giảm thiểu hư hại cho các cây còn lại và tái sinh rừng.	Quy trình được ghi chép lại Kiểm tra hiện trường		
12 Lựa chọn máy móc khai thác và khai thác mới có tính đến nhu cầu giảm thiểu hư hại cho đất, cây còn lại và tái sinh.	Đánh giá việc mua bán các máy móc mới		
13 Công nhân nhân được đào tạo phù hợp về phương pháp khai thác và khai thác.	Tài liệu đào tạo		
Tiêu chí FSC 6.6 a Các hệ thống quản lý phải thúc đẩy việc xây dựng và thông qua các hệ thống quản lý sâu bệnh không dung hóa chất thaam thiện với môi trường		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Văn bản chiến lược kiểm soát côn trùng, dịch bệnh và cỏ dại có sẵn	Tài liệu	Hướng dẫn vùng: lưu ý những luật và hướng dẫn về kiểm soát sâu bệnh rừng	

2 Các thủ tục được thực hiện để ghi lại tất cả việc sử dụng các hóa chất tổng hợp bởi doanh nghiệp quản lý rừng. Ghi chép sử dụng hóa chất bao gồm: a) Tên sản phẩm b) Vị trí địa điểm được áp dụng c) Khu vực được áp dụng d) Phương pháp áp dụng e) Ngày bắt đầu sử dụng hóa chất f) Ngày kết thúc sử dụng hóa chất g) Tổng khối lượng hóa chất sử dụng	Ghi chép	Hướng dẫn vùng: lưu ý những luật và hướng dẫn liên quan đến sử dụng hóa chất	
3 Hóa chất chỉ được sử dụng khi thực sự cần thiết để đạt được các mục đích quản lý quy định.	Thảo luận với người quản lý		
4 Hóa chất tổng hợp chỉ được sử dụng nơi không có hóa chất được biết thay thế không đưa đến vượt quá chi phí.	Thảo luận với người quản lý		
5 Một quy trình đang được vận hành để ghi lại sự thay thế không có hoá chất thích hợp nhất mà được xem xét và loại bỏ trước khi sử dụng các hoá chất tổng hợp, cùng với sự chứng minh việc sử dụng hoá chất hơn là thay thế không có hoá chất.	Thủ tục bằng văn bản Ghi chép		
6 Hóa chất chỉ được sử dụng với số lượng có hiệu quả tối thiểu, với việc tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện và quy định.	Ghi chép Quan sát hiện trường		
Tiêu chí FSC 6.6b Tổ chức Y tế thế giới, loại 1A và 1B và thuốc trừ sâu hydrocarbon clo, thuốc trừ sâu tồn tại lâu, độc hại, hoặc các chất dẫn uất vẫn còn hoạt tính sinh học và tích tụ trong chuỗi thức ăn vượt quá mục đích sử dụng; cũng như bất cứ các loại thuốc trừ sâu bị cấm theo thoả thuận quốc tế, sẽ bị cấm.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
7 Cấm việc sử dụng hoặc lưu trữ các hoá chất này trên các đơn vị được chứng nhận.	Tài liệu	Hướng dẫn vùng: ghi lại các hoá chất bị cấm trong quốc gia	
8 Việc sử dụng hoặc lưu trữ các băng hạt giống dựa trên các thành phần thủy ngân, lân hữu cơ hoặc các clo hữu cơ (bao gồm Gamma HCN, Lindane và BHC), hoặc các hoá chất lân phân huỷ khác mà có thể tích tụ trong chuỗi			

thức ăn hoặc hệ sinh thái đều bị cấm.			
9 Hóa chất được xếp loại là Độc hại cao bởi FSC không được sử dụng nếu không được phê duyệt bởi FSC. Xem Phụ lục 6 đối với tiêu chuẩn này	Hồ sơ mua bán hóa chất Hồ sơ sử dụng hóa chất Quy trình/hướng dẫn sản xuất vườn ươm	Tham khảo www.fsc.org FSC-POL-30-601 Thuốc trừ sâu hóa chất trong Rừng được chứng nhận FSC FSC-GUI-30-001 Chính sách thuốc trừ sâu FSC: Hướng dẫn sử dụng	
Tiêu chí FSC 6.6c Nếu hóa chất được sử dụng, trang thiết bị phù hợp và đào tạo sẽ được cung cấp để giảm thiểu rủi ro về y tế và môi trường		Điểm toàn bộ cho việc Cấp chứng chỉ	
9 Đào tạo và các trang thiết bị phù hợp được cung cấp cho tất cả những người sử dụng.	Hướng dẫn đào tạo Ghi chép đào tạo		
10 Các thùng và các cửa hàng nhiên liệu được đặt để việc tràn dầu từ sự hư hại, các lỗi hay tiếp nhiên liệu sẽ không đi vào nguồn nước	Đánh giá hiện trường		
11 Tất cả trang thiết bị cho việc vận chuyển, lưu trữ và sử dụng hóa chất phải được duy trì trong điều kiện an toàn và chống rò rỉ.	Đánh giá hiện trường		
12 Việc sử dụng hóa chất trong phạm vi 10m xuôi và 30m xung quanh hồ chứa và hồ sẽ bị cấm	Thủ tục/hướng dẫn bằng văn bản		
13 Cấm các ứng dụng nếu mưa lớn được dự kiến, trong thời tiết ẩm ướt, trên mặt đất phủ tuyết hoặc mặt đất đã được nung khô trong thời gian hạn hán	Thủ tục/hướng dẫn bằng văn bản		
14 Ươm những cây con được điều trị với hóa chất trong cống hay kênh trước khi trồng đều bị cấm.	Thủ tục/hướng dẫn bằng văn bản		
Tiêu chí FSC 6.7 Hóa chất, bao bì, chất lỏng và rắn ngoài chất thải gỗ hữu cơ, bao gồm xăng và dầu, phải được cất giữ bằng phương pháp môi trường thích hợp ở bên ngoài hiện trường.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Các địa điểm bên ngoài hiện trường được chỉ định cho việc cất giữ hóa chất, bao bì, chất lỏng và rắn ngoài chất thải gỗ hữu cơ bằng phương pháp môi trường thích hợp.	Kiểm tra hiện trường		
2 Có một hệ thống đang hoạt động để đưa chất thải tới các địa điểm thích	Thảo luận với giám đốc		

hợp để cất giữ.	Kiểm tra		
3 Việc cất giữ không diễn ra tại các kênh rạch, hồ hoặc bằng việc chôn lấp.	Không có bằng chứng của việc cất giữ không thích hợp		
4 Không có bằng chứng của chất thải còn sót lại trong rừng.	Không có bằng chứng của việc cất giữ không thích hợp		
Tiêu chí FSC 6.8 Việc sử dụng các tác nhân sinh học phải được tài liệu hóa, giảm thiểu, giám sát và kiểm soát nghiêm ngặt theo các qui định của quốc gia và quốc tế được khoa học chấp nhận. Cấm sử dụng các nguồn gen biến đổi		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Có một thủ tục được thi hành cho các tài liệu hướng dẫn và giám sát việc sử dụng của các đại lý kiểm soát sinh học.	Thủ tục bằng văn bản Ghi chép	Hướng dẫn vùng: ghi chép lại những luật và hướng dẫn về việc sử dụng các đại lý kiểm soát sinh học	
2 Các đại lý kiểm soát sinh học chỉ được sử dụng khi thực sự cần thiết để đạt được các mục đích quản lý quy định như một phần của hệ thống quản lý côn trùng tổng hợp (việc sử dụng các sinh vật tự nhiên được cho phép).	Chiến lược kiểm soát côn trùng và dịch bệnh		
3 Doanh nghiệp quản lý rừng không sử dụng các sinh vật biến đổi gen.	Không có bằng chứng của việc sử dụng sinh vật biến đổi gen		
Tiêu chí FSC 6.9 Sử dụng các loài ngoại lai sẽ được kiểm soát cẩn thận và giám sát tích cực để tránh các tác động xấu cho hệ sinh thái.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Tất cả việc sử dụng các loài ngoại lai được ghi chép lại và được chứng minh.	Tài liệu		
2 Các loài ngoại lai mà được sử dụng sẽ được giám sát để đánh giá tác động sinh thái nghiêm trọng tiềm năng	Tài liệu Thanh tra hiện trường		
3 Trong trường hợp các tác động xấu đến sinh thái được xác định, các biện pháp kiểm soát được thực hiện.	Tài liệu Thanh tra hiện trường		

Tiêu chí FSC 6.10 Chuyển đổi sang rừng trồng hoặc đất không có rừng sẽ không xảy ra, trừ các trường hợp nếu cần chuyển đổi: a) Diện tích chuyển đổi rất nhỏ so với tổng diện tích quản lý; b) Không xảy ra ở các khu rừng có giá trị bảo tồn cao; c) Việc chuyển đổi phải có tác dụng rõ ràng và đem lại các lợi ích cho hoạt động bảo tồn của đơn vị.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
Chuyển đổi sang rừng trồng hoặc đất không có rừng sẽ không xảy ra, trừ các trường hợp nếu cần chuyển đổi: a) Đòi hỏi một phần rất giới hạn của đơn vị quản lý rừng; và b) Không diễn ra ở những khu vực rừng có tính bảo tồn cao; và c) Sẽ cho phép các lợi ích rõ ràng, đáng kể, bổ sung, bảo tồn lâu dài trên toàn đơn vị quản lý rừng.	Không tồn tại kế hoạch chuyển đổi Không có bằng chứng của việc chuyển đổi		

TIÊU CHUẨN #7: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ Kế hoạch quản lý thích hợp theo tỷ lệ và mức độ các hoạt động phải được xây dựng, thực hiện, và cập nhật thường xuyên. Các mục tiêu quản lý dài hạn và biện pháp để đạt phải được xác định rõ ràng.			
QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK		BÌNH LUẬN VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 7.1a Sẽ cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ: Những mục tiêu quản lý.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Có một tuyên bố rõ ràng các mục tiêu quản lý rừng.	Kế hoạch quản lý	Hướng dẫn vùng: ghi chép lại những yêu cầu của cơ quan chức năng vùng và các chương trình cấp rừng	
Tiêu chí FSC 7.1b (i) Sẽ cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ: Mô tả những tài nguyên được quản lý, những hạn chế về môi trường		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
2 Mô tả rõ ràng khu vực dưới sự kiểm soát quản lý.	Tài liệu Bản đồ		
3 Có mô tả các khía cạnh vật lý của khu vực quản lý (ví dụ: địa hình, đất, địa chất và tài nguyên nước), phù hợp với mức độ và cường độ của chương trình quản lý.	Như trên		
4 Có mô tả rõ ràng của bất cứ khu vực nào dưới sự kiểm soát quản lý mà được loại trừ việc khai thác cho bất cứ mục đích gì.	Như trên		

5 Khu vực được khai thác trong quá khứ được nhận biết, và được đánh dấu trên bản đồ.	Như trên		
6 Có một đánh giá tài nguyên gỗ (tồn kho), đầy đủ, chi tiết và chặt chẽ để biện minh cho việc khai thác được kế hoạch cho vòng đời đầy đủ, và để chứng minh một cách thuyết phục rằng sản lượng sẽ bền vững vĩnh viễn trong các vòng đời liên tiếp. (xem Tiêu chí 5,6)	Gỗ tồn kho		
Tiêu chí FSC 7.1b (ii) Sẽ cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ: Mô tả hiện trạng sở hữu và sử dụng đất, điều kiện kinh tế xã hội, và tình hình vùng xung quanh.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
7 Có một mô tả hiện trạng sở hữu và sử dụng đất, bao gồm một bản tóm tắt ngắn gọn của hiện trạng sở hữu và sử dụng đất trước đó.	(và xem 2.2, 3.1, 3.3, 4.4)		
8 Mô tả bối cảnh kinh tế-xã hội đối với quản lý			
9 Mô tả sử dụng đất liền kề			
Tiêu chí FSC 7.1c Sẽ cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ: Mô tả hệ quản lý lâm sinh và/hoặc những hệ khác trên cơ sở sinh thái của rừng và thu thập thông tin thông qua điều tra tài nguyên.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
10 Hệ thống lâm sinh mà quản lý dựa vào được tuyên bố rõ ràng và phù hợp trên cơ sở sinh thái của rừng.	Xem 5.6.1 và 6.3.1		
11 Các quy định và thủ tục quản lý được yêu cầu để thực hiện hệ thống lâm sinh được tuyên bố rõ ràng, ví dụ: - Xác định và đánh dấu cây sẽ được giữ lại để khai thác trong tương lai, như là nguồn giống, hoặc để duy trì đa dạng sinh học; - Tiêu chí chọn lựa cây để khai thác - Phương pháp đánh dấu cây hoặc khu vực được lựa chọn để khai thác - Phương pháp đảm bảo tái sinh	Thủ tục bằng văn bản Kiểm tra hiện trường (xem 5.6)		

Tiêu chí FSC 7.1d Sẽ cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ: Cơ sở của việc định mức khai thác rừng hằng năm và việc chọn loài.			
12 Kế hoạch quản lý và tài liệu hỗ trợ sẽ cung cấp lý do cho tỷ lệ thu hoạch hằng năm và lựa chọn các loài	Xem 5.6		
Tiêu chí 7.1e Sẽ cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ: Các nội dung quan sát về sinh trưởng và động thái của rừng.			
13 Thủ tục cho việc giám sát tái sinh và tăng trưởng rừng được tài liệu hóa và được thực hiện.	Thủ tục bằng văn bản Xem 8.2		
FSC Criterion 7.1f Sẽ cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ: Sự an toàn môi trường trên cơ sở những đánh giá về môi trường.		An toàn nên được dựa trên các đánh giá môi trường được ghi chi tiết trong 6.1	
14 Sự cần thiết cho việc quản lý và giám sát lửa được đánh giá một cách phù hợp và được tài liệu hóa.	Thảo luận với người quản lý Tài liệu Kế hoạch chống cháy		
15 Biện pháp bảo vệ môi trường dựa trên các đánh giá môi trường được thực hiện	Thảo luận với người quản lý Tài liệu		
Tiêu chí FSC 7.1g Sẽ cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ: Những kế hoạch bảo vệ các loài quý hiếm đang có nguy cơ.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
16 Kế hoạch quản lý và tài liệu hỗ trợ sẽ cung cấp kế hoạch cho việc xác định và bảo vệ các loài bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng.	Xem 6.2a		
Tiêu chí FSC 7.1h Sẽ cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ: Những bản đồ mô tả tài nguyên rừng kể cả rừng bảo vệ, những hoạt động trong kế hoạch, và sở hữu đất.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
17 Bản đồ chỉ rõ cơ sở tài nguyên rừng được bao gồm trong khu vực bảo tồn	Xem 2.2.1, 3.3.1, 7.1b		
18 Bản đồ thể hiện quyền sở hữu đất có thể truy cập, rõ ràng và sử dụng được.	Bản đồ		

19 Bản đồ chỉ rõ các hoạt động quản lý đã kế hoạch trong thời gian ngắn hạn (ví dụ: ít hơn năm năm) và trung hạn (ví dụ 5-20 năm).	Bản đồ		
Tiêu chí FSC 7.2 Kế hoạch quản lý phải được sửa đổi định kỳ, có phối hợp với các kết quả giám sát đánh giá hoặc thông tin khoa học và kỹ thuật mới, cũng như thích ứng với các thay đổi về kinh tế, môi trường và xã hội.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Có một hệ thống được thực thi cho việc rà soát thường xuyên và cập nhật kế hoạch quản lý. .	Kế hoạch quản lý Thảo luận với người quản lý		
2 Người quản lý nhận thức được nghiên cứu liên quan đang được thực hiện hoặc được kế hoạch trong khu vực, ví dụ, liên quan đến quản lý rừng, sản xuất gỗ, và sinh học/sinh thái.	Thảo luận với người quản lý	Hướng dẫn vùng: ghi lại những tổ chức liên quan đến nghiên cứu trong khu vực	
3 Có một hệ thống xem xét quản lý trong mối liên hệ với các điều kiện và xu hướng kinh tế-xã hội	Kế hoạch quản lý Đánh giá xã hội Thảo luận với chủ rừng		
4 Có bằng chứng về những phát hiện quan trọng của những nghiên cứu như vậy, cũng như kết quả giám sát bởi doanh nghiệp quản lý rừng, được kết hợp vào trong những thủ tục, kế hoạch, và chính sách được cập nhật.	Kế hoạch quản lý Thảo luận với người quản lý		
Tiêu chí FSC 7.3 Công nhân lâm nghiệp phải được đào tạo và giám sát thích hợp để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch quản lý.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Người quản lý và giám sát viên có bằng cấp, được đào tạo và có kinh nghiệm phù hợp với quy mô và cường độ hoạt động, đủ để cho phép họ lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động lâm nghiệp và các bộ phận khác của kế hoạch quản lý.	Công ước ILO 162, Bộ luật thực hành về An toàn (1988) hoặc luật pháp quốc gia tương đương Chứng nhận tay nghề, hồ sơ đào tạo Quan sát hiện trường Phỏng vấn với công nhân hoặc liên hiệp		
2 Tất cả công nhân được đào tạo liên quan đến nhiệm vụ và trách nhiệm của họ	Thủ tục đào tạo bằng văn bản Ghi chép đào tạo Tham vấn nhân viên		
3 Hồ sơ đào tạo được cung cấp cho công nhân lâm nghiệp	Thủ tục đào tạo bằng văn bản		

	Ghi chép đào tạo Tham vấn nhân viên		
4 Phù hợp với phạm vi và cường độ hoạt động, chính sách đào tạo, bằng cấp và tuyển dụng bao gồm kỹ năng và kinh nghiệm cơ bản cho việc tuyển dụng, đào tạo, vị trí và thăng tiến của nhân viên ở tất cả các cấp	Chính sách		
Tiêu chí FSC 7.4 Trong khi phải tôn trọng tính bí mật của thông tin, chủ rừng sẽ công khai bản tóm tắt kế hoạch quản lý, bao gồm các hạng mục liệt kê trong Tiêu chí 7.1.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Có sẵn một bản tóm tắt các hoạt động quản lý cho tất cả các bên quan tâm, trong định mức được chấp nhận của bí mật thương mại (Một bản tóm tắt các yếu tố chính của kế hoạch quản lý được liệt kê trong Tiêu chí 7.1 trên đây sẽ có trong bản tóm tắt đánh giá công khai của Soil Association, nếu được cấp chứng chỉ)	Tính sẵn có của thông tin		

TIÊU CHÍ #8: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Giám sát được tiến hành – phù hợp theo quy mô và cường độ của quản lý rừng – để đánh giá tình hình rừng, sản lượng của sản phẩm rừng, các hoạt động quản lý chuỗi hành trình sản phẩm, và tác động xã hội và môi trường của các hoạt động đó

QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGUỒN KIỂM ĐỊNH	BÌNH LUẬN VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 8.1 Tần số và cường độ kiểm tra tương ứng với mức độ và cường độ các hoạt động sản xuất lâm nghiệp cũng như mức độ phức tạp và độ bền vững của môi trường bị tác động. Các hình thức kiểm tra đánh giá được lặp lại theo thời gian để có thể so sánh những kết quả và đánh giá được những thay đổi.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Có một hệ thống hiệu quả cho việc giám sát tác động của các hoạt động quản lý rừng trên địa bàn.	Thông tin sẵn có trong kế hoạch quản lý hoặc các tài liệu hỗ trợ		
2 Tần số và chi phí giám sát phù hợp với phạm vi và cường độ của các hoạt động quản lý rừng cũng như tính phức tạp và tính mỏng manh của môi trường bị ảnh hưởng.	Như trên Giám sát hệ thống hợp lý		

3 Hình thức tương ứng và có thể lặp lại theo thời gian để có thể so sánh những kết quả và đánh giá được những thay đổi	Như trên	<i>Phương pháp đo đạc có thể đơn giản và dựa vào các thông tin để có được, ví dụ, điểm cố định cho việc chụp ảnh</i>	
4 Ghi chép giám sát được duy trì một cách có thứ tự, cập nhật và có thể tiếp cận.	Như trên		
Tiêu chí FSC 8.2 a Hoạt động quản lý rừng bao gồm cả các hoạt động nghiên cứu và thu thập thông tin cần thiết cho việc kiểm tra: Sản lượng của tất cả các sản phẩm rừng đã được khai thác.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Sản lượng của tất cả các sản phẩm đã được khai thác được ghi chép lại.	Ghi chép sản xuất		
Tiêu chí FSC 8.2 b Hoạt động quản lý rừng bao gồm cả các hoạt động nghiên cứu và thu thập các thông tin cần thiết cho kiểm tra: Tỷ lệ tăng trưởng, tái sinh và tình trạng của rừng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
2 Nơi mà thông tin tin cậy được về tái sinh hoặc tỷ lệ tăng trưởng của các loài thương mại không được biết, một chương trình phù hợp được thực thi để thu thập thông tin chi tiết để quản lý trong tương lai.	Sự tồn tại của số liệu có thể tin cậy được về tái sinh và tỷ lệ tăng trưởng Chương trình bằng văn bản cho việc thu thập số liệu		
3 Điều kiện của rừng (sự tồn tại của côn trùng, dịch bệnh, bằng chứng của sự nén chặt đất, xói mòn v.v) được thường xuyên giám sát và xem xét. .	Ghi chép giám sát thường xuyên		
Tiêu chí FSC 8.2 c Hoạt động quản lý rừng bao gồm cả các hoạt động nghiên cứu và thu thập các thông tin cần thiết cho kiểm tra: Thành phần và những thay đổi quần xã được trong giới thực vật và động vật.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
4 Các khu vực bảo tồn (xem 6.2) được giám sát thường xuyên để đảm bảo rừng không có bằng chứng của sự suy giảm hay rối loạn.	Hình thức giám sát Số liệu giám sát		
5 Chủ rừng cung cấp giám sát phù hợp của các tác động của các hoạt động rừng lên các loại động thực vật, bao gồm môi trường sống thủy sản (tên, sự phong phú, sự phân bố, yêu cầu môi trường sống, sinh học, sinh thái, hành			

vi), tương xứng với mức độ và cường độ của quản lý rừng, và sự quý hiếm và tính mỏng manh của các hệ sinh thái rừng và các loài được biết đến ở trong nó.			
Tiêu chí FSC 8.2 d Hoạt động quản lý rừng bao gồm cả các hoạt động nghiên cứu và thu thập các thông tin cần thiết cho kiểm tra: Những tác động về môi trường và xã hội của việc khai thác và các hoạt động khác gây ra.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
6 Có những cuộc họp thường xuyên với đại diện của cộng đồng địa phương, mà bất kỳ mối quan tâm về các tác động (xã hội hoặc môi trường) được ghi lại.	Ghi chép của những cuộc họp với đại diện của cộng đồng địa phương (xem 4.4.1)		
7 Các chương trình giám sát được thiết kế, tài liệu hóa và được thực hiện để thu thập số liệu liên quan đến bất cứ mối quan tâm nào được nêu ra bởi cộng đồng địa phương. Những số liệu như vậy có thể liên quan đến: chất lượng nước, lưu lượng nước theo mùa, quần thể cá, quần thể động vật hoang dã, etc.	Như trên Hình thức bằng văn bản Số liệu giám sát		
Tiêu chí FSC 8.2 e Hoạt động quản lý rừng bao gồm các hoạt động nghiên cứu và thu thập các thông tin cần thiết cho kiểm tra: Chi phí, năng suất, và hiệu quả của hoạt động quản lý rừng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
8 Doanh nghiệp rừng có các tài khoản rõ ràng.	Tài khoản (xem 5.1)		
9 Có đánh giá hiệu suất và hiệu quả của doanh nghiệp quản lý rừng	Tài khoản Đánh giá hàng năm Thảo luận với chủ rừng		
Tiêu chí FSC 8.3 Tài liệu phải được chủ rừng chuẩn bị tốt để cung cấp cho các cơ quan đánh giá và cấp chứng chỉ có thể theo dõi được nguồn gốc của mỗi sản phẩm, đó là một quá trình gọi là chuỗi hành trình sản phẩm.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Các sản phẩm rừng để bán được cấp chứng chỉ có thể dễ dàng nhận biết như có nguồn gốc từ rừng được đánh giá. Điều này có thể đạt được thông qua đánh dấu vật lý của gỗ, một hệ thống kiểm soát giấy, hồ sơ sản xuất hàng ngày hoặc hàng tuần, hoặc sự kết hợp của những thứ này với kỹ thuật tương tự.	Hình thức bằng văn bản	Trong trường hợp quản lý rừng chung và đánh giá chuỗi hành trình sản phẩm, chuyên gia đánh giá phải xác định và ghi lại một cách rõ ràng các điểm bán hàng:	

2 Doanh nghiệp quản lý rừng duy trì kiểm soát chuỗi hành trình sản phẩm của gỗ đến tận các điểm bán hàng.	Hình thức bằng văn bản	Chuyên gia đánh giá PHẢI mô tả và đánh giá hệ thống kiểm soát chuỗi hành trình sản phẩm đến các điểm bán được xác định như trên.	
3Hóa đơn được cho doanh số bán hàng gỗ được chứng nhận ghi rõ: - Nguồn gốc gỗ được chứng nhận - Ngày bán hàng - Số lượng gỗ có chứng chỉ được bán - Sự ghi rõ (số lượng, kích thước, chất lượng) của gỗ có chứng chỉ được bán - Điểm mà tại đó người mua sẽ kiểm soát chuỗi hành trình sản phẩm của gỗ được cấp chứng chỉ - Luật chứng chỉ - Tương ứng với chi tiết trên tài liệu giao nhận -	Hồ sơ		
Tiêu chí FSC 8.4 Các kết quả giám sát sẽ được kết hợp trong thực hiện và sửa đổi kế hoạch quản lý.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Có hệ thống đề cập đến việc kết quả giám sát được kết hợp vào trong sửa đổi kế hoạch quản lý như thế nào.	Kế hoạch quản lý Hình thức bằng văn bản Thảo luận với người quản lý		
2Có bằng chứng chứng minh những thay đổi quản lý được đề xuất được thực hiện	Kế hoạch quản lý Thảo luận với người quản lý		

Tiêu chí FSC 8.5 Trong khi tôn trọng tính bí mật của thông tin, chủ rừng phải công khai bản tóm tắt kết quả các chỉ số giám sát, bao gồm các mục liệt kê trong Tiêu chí 8.2.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
2 Chủ rừng đồng ý để các kết quả của các chương trình giám sát công khai với các bên liên quan, trong định mức được chấp nhận của tính bảo mật thương mại theo yêu cầu.	Tóm tắt giám sát		

TIÊU CHUẨN 9: DUY TRÌ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

Các hoạt động quản lý tại rừng giá trị bảo tồn cao sẽ duy trì hoặc tăng cường các thuộc tính của các loại rừng đó. Các quyết định về rừng giá trị bảo tồn cao sẽ luôn được xem xét trong bối cảnh của một giải pháp phòng ngừa.

Rừng có giá trị bảo tồn cao sẽ sở hữu một hay nhiều hơn các thuộc tính sau đây:

- a) Các khu vực rừng có tầm quan trọng toàn cầu, vùng hoặc quốc gia
- b) Các khu vực rừng có chứa các hệ sinh thái quý hiếm, bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng
- c) Các khu vực rừng cung cấp các dịch vụ cơ bản thiên nhiên trong những trường hợp quan trọng (ví dụ, bảo vệ rừng đầu nguồn, chống xói mòn)
- d) Các khu vực rừng đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng đại phươg (ví dụ, sinh hoạt, y tế) và/hoặc quan trọng đối với bản sắc văn hoá truyền thống của cộng đồng địa phương (các khu vực có ý nghĩa văn hoá, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được xác định trong sự hợp tác với các cộng đồng địa phương).

QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGUỒN KIỂM ĐỊNH	BÌNH LUẬN VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 9.1 Đánh giá xác định sự tồn tại của các thuộc tính của rừng có giá trị bảo tồn cao, phù hợp với quy mô và cường độ quản lý rừng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Chủ rừng có thể cung cấp định nghĩa Rừng giá trị bảo tồn cao đối với khu vực của họ.	Kết quả đánh giá	Hướng dẫn vùng: ghi chép lại việc bạn có biết hay không bất cứ rừng hoặc diện tích rừng nào trong khu vực mà bạn xem là Rừng Có Giá Trị Bảo Tồn Cao, theo như định nghĩa trên	
2 Chủ rừng đánh giá rừng có giá trị bảo tồn có tồn tại trong khu vực thuộc sự kiểm soát của họ hay không			
3 Các khu vực được xác định là rừng có giá trị bảo tồn cao được đánh dấu trên bản đồ.	Bản đồ		

Tiêu chí FSC 9.2 Phần tư vấn của quá trình đánh giá cấp chứng chỉ phải nhấn mạnh vào các thuộc tính bảo tồn đã được xác định và các phương án để duy trì các giá trị đó.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Chủ rừng sẽ tham vấn với các bên liên quan về xác định các giá trị bảo tồn cao và các lựa chọn quản lý của bất cứ thuộc tính (Thanh tra chứng nhận sẽ nhấn mạnh các thuộc tính bảo tồn được xác định, và các tùy chọn cho việc duy trì)		Hướng dẫn vùng: Lưu ý những tùy chọn chính mà bạn sẽ xem xét phù hợp với Rừng giá trị bảo tồn cao mà bạn đề cập trong 9.1 trên đây.	
Tiêu chí FSC 9.3 Kế hoạch quản lý rừng phải bao gồm và thực hiện các biện pháp cụ thể đảm bảo duy trì và/hoặc tăng cường các thuộc tính bảo tồn có thể áp dụng được phù hợp với giải pháp phòng ngừa. Các biện pháp này phải được cụ thể hóa trong bản tóm tắt và công khai của kế hoạch quản lý.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Biện pháp bảo vệ cụ thể được thực hiện cho các khu vực và/hoặc các thuộc tính được xác định có giá trị bảo tồn cao	Các biện pháp bảo vệ được tài liệu hoá và được chứng minh Bảng chứng việc thực hiện		
2 Biện pháp bảo vệ được xác định thông qua cách tiếp cận phòng ngừa			
3 Biện pháp bảo vệ được xác định được bao gồm trong kế hoạch quản lý sẵn có một cách công khai			
Tiêu chí FSC 9.4 Giám sát phải được tiến hành hàng năm để đánh giá hiệu quả của các biện pháp áp dụng để duy trì hoặc tăng cường thuộc tính bảo tồn.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Tài liệu hoá và thực hiện một chương trình giám sát ít nhất là hàng năm và phù hợp với phạm vi và tính dễ bị tổn thương của các thuộc tính bảo tồn.	Hình thức giám sát Số liệu giám sát		

TIÊU CHUẨN FSC # 10: RỪNG TRỒNG

Rừng trồng phải được thiết lập và quản lý phù hợp với các Tiêu chuẩn và Tiêu chí từ 1 – 9, và Tiêu chuẩn 10 và các Tiêu chí của nó. Trong khi rừng trồng có thể cung cấp tập hợp các lợi ích kinh tế và xã hội, và có thể góp phần thỏa mãn các nhu cầu của thế giới về các lâm sản, rừng trồng phải góp phần quản lý, giám sát, và khuyến khích phục hồi hoặc bảo tồn rừng tự nhiên.

Plantations

QUY ĐỊNH CỦA SOIL ASSOCIATION WOODMARK	NGUỒN KIỂM ĐỊNH	BÌNH LUẬN VÀ HƯỚNG DẪN VÙNG	Điểm số
Tiêu chí FSC 10.1 Các mục tiêu quản lý của rừng trồng, bao gồm các mục tiêu bảo tồn và phục hồi rừng tự nhiên, phải được nêu rõ trong kế hoạch quản lý, và thể hiện rõ ràng trong thực hiện kế hoạch.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Bảo tồn và phục hồi rừng tự nhiên phải được nằm trong mục tiêu quản lý rừng trồng.	Kế hoạch quản lý hoặc tài liệu hỗ trợ		
2 Chiến lược và hình thức đạt được các mục tiêu đó phải được ghi chép rõ ràng trong kế hoạch quản lý và được thực hiện một cách hiệu quả	Kế hoạch quản lý hoặc tài liệu hỗ trợ Thăm hiện trường		
Tiêu chí FSC 10.2a Thiết kế và bố trí rừng trồng phải có tác dụng thúc đẩy bảo vệ, phục hồi và bảo tồn rừng tự nhiên, và không làm gia tăng áp lực vào rừng tự nhiên.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Thiết kế quản lý rừng trồng trên đất để duy trì hoặc làm tăng các đặc tính còn lại của rừng tự nhiên gần nhất	Kế hoạch quản lý hoặc tài liệu hỗ trợ Tình hình, thiết kế và bố trí hợp lý từ quan điểm bảo tồn	Hướng dẫn vùng: ghi chép lại những yêu cầu của các nhà chức trách địa phương và chương trình cấp rừng	
Tiêu chí FSC 10.2b Trong thiết kế rừng trồng có dành ra các hành lang cho động vật hoang dã, các vùng lân cận sông suối và các đám rừng có tuổi và chu kỳ khác nhau, phù hợp với quy mô của hoạt động trồng rừng.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
4 Những chính sách và hình thức được tài liệu hoá phải bảo đảm rằng: - Nơi nào có hành lang dành cho thực vật tự nhiên trong các vùng suối hoặc trong các rãnh phải được bảo vệ khỏi các hoạt động trồng và khai thác, và phát triển thành các khu vực dành riêng cho các vùng suối. - Các khu vực ngập nước được tiếp xúc thường xuyên hoặc định kỳ được kết hợp vào các khu vực dành riêng cho các vùng suối, thay vì được trồng. - Không diễn ra các hoạt động thoát các thành phần của nước có chủ ý. (xem 6.2 và 6.3 về các định mức khác)	Các chính sách và hình thức được tài liệu hoá Kiểm tra hiện trường		

Tiêu chí FSC 10.2c Quy mô và cách bố trí của các khoảnh rừng trồng phải phù hợp với cấu trúc của lô rừng có trong vùng sinh cảnh tự nhiên.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
3 Việc chọn địa điểm nói chung và thiết kế lâm trường nội bộ phải phù hợp với cảnh quan của khu vực.	Hình thức lập kế hoạch Kiểm tra hiện trường		
Tiêu chí FSC 10.3 Ưu tiên đến tính đa dạng trong thành phần của rừng trồng để tăng cường ổn định kinh tế, sinh thái và xã hội. Sự đa dạng có thể bao gồm kích cỡ và không gian trong đơn vị quản lý của vùng sinh cảnh, số lượng và thành phần nguồn gen của các loại cây, cấp tuổi và cấu trúc.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Lập kế hoạch quản lý bao gồm đánh giá tính ổn định kinh tế, sinh thái và xã hội	Kế hoạch quản lý hoặc tài liệu hỗ trợ Bảng chứng về việc xem xét để sử dụng loài được đánh giá bởi người dân bản địa		
2 Quản lý thúc đẩy đa dạng của các khu vực rừng trồng và phân bố trong cảnh quan	Kế hoạch thiết kế cảnh quan		
3 Quản lý cung cấp việc sử dụng một loạt các loại cây và xuất xứ hoặc các cây trồng khác	Kế hoạch quản lý và tài liệu hỗ trợ		
4 Quản lý cung cấp độ tuổi và sự đa dạng cấu trúc của rừng trồng trong cảnh quan	Bảng chứng tái cấu trúc rừng thậm chí tại rừng trồng nhiều tuổi Đánh giá cấu trúc tuổi Kiểm tra hiện trường		
Tiêu chí FSC 10.4 Việc lựa chọn các loại cây để trồng phải được dựa trên tính thích hợp của điều kiện lập địa và sự phù hợp với các mục tiêu quản lý. Để tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, ưu tiên các loài cây bản địa nhiều hơn các loại cây nhập nội để thiết lập rừng trồng và để phục hồi ở các hệ sinh thái đã xuống cấp. Các loại cây nhập nội sẽ chỉ được sử dụng khi phát triển tốt hơn các loại cây bản địa, phải tiến hành giám sát cẩn thận để phát hiện ra tỷ lệ sống bất thường, bệnh tật, hoặc sâu bệnh xảy ra và các tác động tiêu cực đối với hệ sinh thái.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Chứng minh rõ ràng sự lựa chọn của các loài và các kiểu di truyền cho rừng trồng, có xem xét mục tiêu của rừng trồng, và khí hậu, địa chất, đất tại các khu vực trồng.	Chứng minh các loài đã sử dụng		
2 Nơi các loài ngoại lai đã được chọn, phải chứng minh rõ ràng sự lựa chọn	Hồ sơ đánh giá		

này. Các loài bản địa thay thế tốt nhất phải được xác định, và có lý do từ chối các loài này.			
3 Trước khi trồng các loài ngoại lai, thực hiện đánh giá nguy cơ xâm lấn khu vực xung quanh.	Hồ sơ đánh giá	Hướng dẫn vùng: danh sách các loài xâm lấn được biết đến của khu vực	
4 Các loài xâm lấn không được trồng			
Xem 8.2b đối với các chỉ số giám sát			
Tiêu chí FSC 10.5 Dành một tỷ lệ của diện tích rừng trồng nhất định, thích hợp theo tổng diện tích rừng trồng và quy hoạch của vùng để quản lý nhằm phục hồi thành rừng tự nhiên.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Tính thích hợp với tiêu chí 6.2b, ít nhất 10% diện tích rừng trồng phải được quản lý để tăng cường các thuộc tính tự nhiên và với tính đa dạng sinh học như một mục tiêu chính.	Bản đồ Kiểm tra hiện trường Sự giải thích của toàn bộ diện tích được quản lý cho việc phục hồi rừng tự nhiên	Hướng dẫn vùng: lưu ý lại những luật/hướng dẫn liên quan và yêu cầu chương trình cấp rừng	
2 Tính thích hợp với Tiêu chí 6.2b, ít nhất 5% của diện tích rừng trồng phải được quản lý để phục hồi diện tích một cách cơ bản phục hồi rừng tự nhiên.	Bản đồ Kiểm tra hiện trường Sự giải thích của toàn bộ diện tích được quản lý cho việc phục hồi rừng tự nhiên		
Tiêu chí FSC 10.6 Áp dụng các biện pháp để duy trì hoặc cải thiện cơ cấu, độ phì đất, và hoạt động sinh thái. Kỹ thuật và tỷ lệ khai thác, xây dựng và bảo dưỡng đường và lựa chọn các loại cây trồng phải không dẫn đến thoái hóa đất về lâu dài hoặc có các tác động tiêu cực đến chất lượng, số lượng nước hoặc sự thay đổi dòng lớn do hình thức thoát nước khác nhau từ sông suối.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ Áp dụng tất cả các quy định trong 6.5	
1 Phương pháp bảo vệ đất được ghi chi tiết rõ ràng trong kế hoạch quản lý hoặc tài liệu hỗ trợ	Kế hoạch quản lý hoặc tài liệu hỗ trợ		
2 Kế hoạch và quy trình tái trồng rừng sau khi khai thác được thiết kế để giảm thiểu tiếp xúc với đất trồng, và để bảo đảm rằng cây được trồng lại	Quy trình được ghi chép lại Kiểm tra hiện trường		

càng nhanh càng tốt			
3 Không có bằng chứng về suy thoái rừng trong khu vực Xem 6.5b và 6.5c	Kiểm tra hiện trường		
Tiêu chí FSC 10.7 Áp dụng các biện pháp để ngăn chặn và giảm thiểu sự bùng nổ của sâu bệnh hại và các cây xâm lấn. Phòng trừ tổng hợp dịch bệnh được xem là một khâu quan trọng trong kế hoạch quản lý với các phương pháp chủ yếu là chống và kiểm soát sinh thái hơn là thuốc trừ sâu và phân hóa học. Quản lý rừng trồng phải cố gắng, không sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu và phân bón, kể các sử dụng trong vườn ươm. Sử dụng hóa chất cũng phải tuân theo Tiêu chí 6.6 và 6.7.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Có một chiến lược quản lý côn trùng kết hợp được ghi chép lại (xem 6.6a, b và c về các định mức liên quan đến sử dụng hóa chất)	Tài liệu	Hướng dẫn vùng: lưu ý lại những luật và hướng dẫn về kiểm soát côn trùng	
2 Đánh giá và tài liệu hóa sự cần thiết của việc quản lý và phòng chống cháy (xem 7.1f)	Tài liệu		
3 Thực hiện các phương pháp để kiểm soát hoặc bài trừ các cây xâm lấn.	Tài liệu Kiểm tra hiện trường		
4 Có một chiến lược để giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học và phân bón trong trồng rừng và vườn ươm.	Tài liệu Kiểm tra hiện trường		
Tiêu chí FSC 10.8 Tùy theo phạm vi và tính đa dạng của hoạt động của rừng trồng, phải tiến hành đánh giá, giám sát thường xuyên rừng trồng về các tác động sinh thái và xã hội bên trong và ngoài khu vực rừng trồng (như tái sinh rừng tự nhiên, các ảnh hưởng đến nguồn nước và độ phì đất, và các tác động về thu nhập và phúc lợi xã hội của địa phương), ngoài các yếu tố đã thể hiện trong Tiêu chuẩn 8, 6 và 4. Không trồng bất cứ loài cây nào trên quy mô lớn cho tới khi có các thử nghiệm địa phương và/hoặc kinh nghiệm cho thấy rằng các loại cây phù hợp tốt với hiện trường, không xâm lấn, và không có các tác động tiêu cực đến các hệ thống sinh thái khác. Đặc biệt chú ý đến các vấn đề xã hội về yêu cầu đất rừng trồng, đặc biệt bảo vệ quyền sử dụng, sở hữu hoặc tiếp cận của địa phương.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Không tồn tại rừng trồng quy mô lớn của những loài không phù hợp với khu vực trên cơ sở thử nghiệm tại địa phương hoặc kinh nghiệm	Hồ sơ đánh giá Kế hoạch quản lý hoặc tài liệu hỗ trợ		
2 Không được thiết lập rừng trồng bên trong hệ thống sinh thái quan trọng hoặc nhạy cảm; diện tích của đa dạng sinh học cao hoặc độc nhất, các diện	Hình thức lập kế hoạch Tư vấn với nhà sinh học địa phương		

tích bảo vệ hoặc bảo tồn hoặc nơi có những tác động ngược có thể lên khu vực dẫn nước quan trọng.			
3 Tất cả các rừng trồng mới hoặc việc trồng mới lớn hơn 5000 ha là mục tiêu của đánh giá chính thức tác động xã hội và môi trường. (Xem Tiêu chí 4.4 đối với các định mức liên quan)	Đánh giá tác động xã hội Đánh giá tác động môi trường		
Tiêu chí FSC 10.9 Rừng trồng thiết lập ở các khu vực chuyển đổi từ rừng tự nhiên sau tháng 11/1994 thường sẽ không được cấp chứng chỉ. Giấy chứng chỉ có thể được cấp trong các trường hợp nếu có đủ bằng chứng trình cho cơ quan cấp chứng chỉ là các người quản lý/người chủ rừng trồng không chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp về sự chuyển đổi này.		Điểm toàn bộ cho việc cấp chứng chỉ	
1 Rừng trồng không được thiết lập trên đất được chuyển đổi từ rừng tự nhiên sau 1/11/1994 (nhưng xem 6.10 và 10.9), nếu không có bằng chứng rõ ràng về việc người quản lý hoặc giám đốc hiện tại không chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp đối với việc chuyển đổi.	Bằng chứng sử dụng đất trước đây Ngày trồng		

Chỉ số cho các phụ lục

1. Luật và các yêu cầu hành chính đối với rừng quốc gia và địa phương áp dụng ở Việt Nam
- 2a. Thỏa thuận môi trường đa phương
- 2b. Ý nghĩa cả Công ước đa dạng sinh học ở Việt Nam
3. Công ước CITES về loài cây lấy gỗ
4. Loài nguy cấp ở Việt Nam
- 5a. Chứng nhận FSC và Công ước ILO cốt lõi
- 5b. Công ước ILO phê chuẩn ở Việt Nam
- 5c. Quy chế ILO về Thực hiện An toàn và Sức khỏe trong Công việc Lâm nghiệp – Trang thiết bị bảo vệ cá nhân
6. Vấn đề các bên liên quan liên quan đến Tiêu chuẩn
7. Thuốc trừ sâu
8. Danh mục Các loại rừng có giá trị bảo tồn cao (Bộ công cụ về Lâm nghiệp)
- 9.

CHÚ THÍCH

Phụ lục 1.

Luật và các yêu cầu hành chính đối với rừng quốc gia và địa phương áp dụng ở Việt Nam

- [Tiêu đề: Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng về Thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển Tài nguyên Rừng \(17HDBT\)](#)
- [Tiêu đề: Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng Quyết định Danh sách Các thực vật và động vật quý hiếm và Các nguyên tắc Quản lý và Bảo vệ chúng \(18HDBT\)](#)
- [Tiêu đề: Quyết định của Chủ tịch hội đồng bộ trưởng về các chính sách khuyến khích đầu tư đối với phát triển rừng \(264CT\)](#)
- [Tiêu đề: Quyết định của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về các chính sách đối với sử dụng đất trống, đồi núi trọc, rừng, đất phù sa, và cá thể biển \(327CT\)](#)
- [Tiêu đề: Hướng dẫn của Thủ tướng chính phủ về chính sách và công cụ về tiếp tục phát triển kinh tế xã hội ở khu vực miền núi \(525TTG\)](#)
- [Tiêu đề: Yêu cầu của Chủ tịch hội đồng bộ trưởng về các biện pháp chấm dứt phá rừng ngay lập tức \(90CT\)](#)
- [Tiêu đề: Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thực hiện luật phát triển nước ngoài](#)
- [Tiêu đề: Nghị định của Hội đồng bộ trưởng quy định chi tiết thực hiện Luật đầu tư nước ngoài](#)
- [Tiêu đề: Về Thực hiện Quyết định số 327-ct về Thẩm định và phê duyệt dự án và Biên soạn chương trình 327](#)
- [Tiêu đề: Thông tư Hướng dẫn quản lý và cung cấp tín dụng của Nhà nước cho các chương trình và dự án về sử dụng đất trống, đồi núi trọc, rừng, đất phù sa và các cá thể nước](#)
- [Tiêu đề: Thông tư Hướng dẫn của Bộ Lâm nghiệp về Thực hiện Quyết định 327-CT](#)
- [Tiêu đề: Điều lệ của Chi nhánh Hiệp hội Công viên quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên](#)
- [Tiêu đề: Nghị định Ban hành Quy chế đối với Phân bổ đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng bền vững và lâu dài \(02CP\)](#)
- [Tiêu đề: Quy định về Phân bổ đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng bền vững và lâu dài](#)
- [Tiêu đề: Quyết định về Tổ chức lại và đổi mới quản lý của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp \(12CP\)](#)
- [Tiêu đề: Quy chế của chính phủ về tổ chức lại và đổi mới quản lý của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp](#)
- [Tiêu đề: Quyết định về Khuyến nông \(13CP\)](#)
- [Tiêu đề: Quy chế của chính phủ về Khuyến nông](#)
- [Tiêu đề: Nghị định về hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường \(175CP\)](#)
- [Tiêu đề: Nghị định của Chính phủ về Bảo đảm Trật tự giao thông và An toàn trên đường và trong trung tâm đô thị \(36CP\)](#)

Tiêu đề: Quy chế về trật tự giao thông và an toàn trên đường và trong trung tâm đô thị

- Tiêu đề: Nghị định của chính phủ liên quan đến tổ chức, nhiệm vụ và thẩm quyền của cơ quan bảo vệ rừng (39CP)
- Tiêu đề: Phê duyệt Kế hoạch đa dạng sinh học đối với Việt Nam (845TTg)
- Tiêu đề: Thông tư thực hiện quyết định số 26-CT ngày 22/7/1992 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng chính phủ) Ưu đãi đầu tư phát triển lâm nghiệp
- Tiêu đề: Luật Bảo vệ môi trường
- Tiêu đề: Luật Đầu tư nước ngoài ở Việt Nam (12/11/1996)
- Tiêu đề: Luật Đầu tư nước ngoài ở Việt Nam (29/12/1987)
- Tiêu đề: Yêu cầu của của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng (Yêu cầu số 58-ICT/HDNN8)

Tiêu đề: Luật Bảo vệ và phát triển rừng

- Tiêu đề: Luật đất đai
- Tiêu đề: Luật Quốc tịch Việt Nam
- Tiêu đề: Biên bản ghi nhớ Hiệp định về cứu hộ các loài linh trưởng có nguy cơ tuyệt chủng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Tiêu đề: Hướng dẫn về Đánh giá tác động môi trường cho các đơn vị điều hành (1420-QDMTg)
- Tiêu đề: Thông tư Hướng dẫn Thiết lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (715-MTg)
- Tiêu đề: Pháp lệnh về Thuế tài nguyên
- Tiêu đề: Quyết định của Bộ chính trị về Hướng dẫn và các chính sách chính về phát triển kinh tế xã hội ở khu vực miền núi (22NQTW)
- Tiêu đề: Hướng dẫn thực hiện Quy chế về Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ lâm nghiệp tại Việt Nam

Quy định lâm nghiệp

No.	Tên tài liệu	Số.	Ngày ban hành
A	Quản lý và Phát triển quy định lâm nghiệp		
1	Luật bảo vệ và phát triển rừng	29 /2004/QH 11	03/12/2004
2	Nghị định Thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng	23 /2006/ NĐ-CP	03/03/2006
3	Chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia	18/2007/QĐ-TTg	02/05/2007
4	Pháp lệnh giống cây trồng	15/2004/PL-UBTVQH11	24/3/2004
5	Quy chế quản lý rừng	186/ 2006/ QĐ-TTg	14/08/2006
6	Thông tư Hướng dẫn một số điều của quy chế quản	99/ 2006/ QĐ-TTg	06/11/2006

	lý rừng		
7	Thông tư sửa đổi một số điểm của Thông tư số 99/2006/QĐ-TTg về hướng dẫn một số điều của Quy chế quản lý rừng	57/ 2007/ TT-BNN	13/6/2007
8	Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều Quy chế quản lý rừng 186/ 2006/ QĐ-TTg	34/2011/QĐ-TTg	24/6/2011
9	Một số chính sách phát triển rừng sản xuất	147/ 2007/ QĐ-TTg	10/9/2007
10	Sửa đổi bổ sung một số điều của Q.định 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015.	66/2011/QĐ-TTg	12/09/2011
11	Chính sách khuyến khích tiêu thụ hàng hóa thông qua hợp đồng	80/ 2002/QĐ-TTg	24/6/2002
12	Thông tư hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê rừng và lập hồ sơ quản lý rừng	25/2009/BNN	05/05/2009
13	Quyết định ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh	73/2010/QĐ-TTg	16/11/2010
13.1	Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành theo QĐ 73/2010/QĐ-TTg	69/2011/TT-BNNPTNT	21/10/2011
14	Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	61/2010/NĐ-CP	06/04/2010
B	Phân bổ sử dụng đất, đổi mới doanh nghiệp lâm nghiệp		
15	Quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của Hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất Lâm nghiệp	178/ 2001/QĐ-TTg	12/11/2001
16	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện QĐ số 178/2001/QĐ-TTg về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của Hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất Lâm nghiệp	80/2003/TTLT/BNN-BTC	09/03/2003
17	Hướng dẫn các biện pháp quản lý, sử dụng đất đai khi sắp xếp, đổi mới NLTQD	04/2005/TT-BTNMT	18/07/2005
18	Giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	135/ 2005/ NĐ-CP	08/11/2005
19	Hướng dẫn một số điều Nghị định số 135/2005/NĐ-CP	102/ 2006/TT-BNN	13/11/2006
20	Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn	38/2007/TT-BNN	25/4/2007
21	Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng	38/ 2005/QĐ-BNN	06/07/2005
22	Quy định nghiệm thu trồng rừng, KNXTTS rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên	06/ 2005/ QĐ-BNN	24/01/2005

23	Sửa đổi bổ sung một số điều của Q.định 06/2005/QĐ-BNN về Quy định nghiệm thu trồng rừng, KNXTTS rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên	59/ 2005/ QĐ-BNN	19/6/2007
24	Hướng dẫn thực hiện hồ sơ thanh quyết toán theo quy định nghiệm thu tại quyết định 06/ 2005/ QĐ-BNN ngày 24/1/2006	1791/ BNN-LN	20/07/2006
24a	Quy trình thiết kế trồng rừng	516/QĐ-BNN-KHCN	18/2/2002
D	Khai thác		
25	Hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ	35/2011/TT-BNNPTNT	20/05/2011
26	Hướng dẫn thiết kế khai thác gỗ rừng tự nhiên	87 /2009/TT-BNNPTNT	31/12/2009
27	Ban hành tạm thời định mức lao động thiết kế khai thác và thẩm định thiết kế khai thác rừng	20/2006/QĐ-BNN	28/3/2006
28	Quyết định ban hành Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm	44/2006/QĐ-BNN	06/01/2006
29	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm ban hành theo Quyết định 44/2006/QĐ-BNN	107/2007/QĐ-BNN	31/12/2007
30	Thông tư Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản	01/2012/TT-BNNPTNT	01/04/2012
E	Quy định sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón		
31	Quyết định về việc ban hành Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón	100/2008/QĐ-BNN	15/10/2008
32	Thông tư ban hành danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam	86/2011/TT-BNNPTNT	16/12/2011
33	Thông tư quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	38/2010/TT-BNNPTNT	28/6/2010
34	Thông tư ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam	10/2012/TT-BNNPTNT	22/2/2012
	Quy phạm kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng	2181/QĐ-BNN-KHCN	23/5/2001
F	Khác		
35	Thông tư hướng dẫn công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động	37/2005/TT-BLĐTBXH	29/12/2005
36	Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	107/1999-TT-BNN-CS	26/7/1999
37	Nghị định về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng	99/2010/NĐ-CP	24/9/2010
38	Thông tư hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng	80/2011/TT-BNNPTNT	23/11/2011
39	Nghị định về Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng	05/2008/NĐ-CP	14/01/2008

40	Quyết định thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam	114/2008/QĐ-BNN	28/11/2008
G	Rà soát văn bản		
g1	Rà soát văn bản Nhà nước về công tác lâm sinh		16/1/2012
	Các văn bản gửi Bộ:		
g2	Đề nghị bổ sung điều khoản của Thông tư 69/2011/TT-BNN	101/TCT-LN	02/08/2012
g3	Đề nghị bổ sung điều khoản của Thông tư 01/2012/TT-BNN	309/TCT-LN	22/3/2012

Phụ lục 2a. Thỏa thuận môi trường đa phương

- Thỏa thuận về thương mại và Hợp tác kinh tế giữa Australia và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Công ước về Bảo tồn các loài động vật hoang dã di cư
- Công ước Khuôn khổ Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu
- Chương trình Nghị sự 21 và các tuyên bố về các nguyên tắc rừng
- Ủy ban về Phát triển bền vững
- Diễn đàn Liên hợp quốc về Rừng
- ITTA
- Công ước Ramsar về Đất ngập nước

Số.	Tên tài liệu	Số	Ngày ban hành
1	Luật Lao động	35-L/CTN	23/06/1994
2	Luật phòng cháy chữa cháy	27/2001/QH10	29/6/2001
3	Luật đất đai	13/2003/QH11	26/11/2003
4	Luật bảo vệ và phát triển rừng	29 /2004/QH 11	03/12/2004
5	Luật bảo vệ môi trường	52/2005/QH11	29/11/2005
6	Luật đầu tư	59 /2005/QH 11	29/11/2005
7	Luật Doanh nghiệp	60/ 2005/QH11	29/11/2005
8	Luật đấu thầu	61/ 2005/QH 11	29/11/2005
9	Luật bảo hiểm xã hội	71/2006/QH11	29/6/2006
10	Luật quản lý thuế	78/2006/QH11	29/11/2006
11	Luật chuyển giao công nghệ	80/2006/QH11	29/11/2006

12	Luật hóa chất	06/2007/QH12	21/11/2007
13	Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	14/2008/QH12	06/03/2008
14	Luật thuế giá trị gia tăng	13/2008/QH12	06/03/2008
15	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	17/2008/QH12	06/03/2008
16	Luật khiếu nại	02/2011/QH13	11/11/2011
17	Luật tố cáo	03/2011/QH13	11/11/2011

Phụ lục 2b. Ý nghĩa của Công ước đa dạng sinh học tại Việt Nam

Trích từ “Dự thảo: Báo cáo quốc gia thứ 4 của Việt Nam về thực hiện Công ước Đa dạng sinh học” Hà Nội, 2008

Hoạt động ưu tiên:

Các mục tiêu quốc gia của NBAP 1995 và 2007 cũng như mục tiêu chiến lược của CBD đã đạt được về cơ bản. Để thực hiện mục tiêu quốc gia và mục tiêu CBD, các hoạt động ưu tiên sau đây được khuyến nghị:

1. Ban hành sớm tài liệu hướng dẫn về thực hiện Luật Đa dạng sinh học 2008, đặc biệt những tài liệu xác định rõ chức năng quản lý đa dạng sinh học liên quan đến các bộ ngành và các cơ quan địa phương;

2. Nâng cao nhận thức cộng đồng về thực hiện Luật Đa dạng sinh học và nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về đa dạng sinh học ở cấp trung ương và địa phương;

3. Tạo cơ chế để kết nối và hợp tác giữa các cơ quan quản lý và thực hiện về bảo vệ đa dạng sinh học và các tổ chức đầu mối về bảo tồn đa dạng sinh học.

4. Xây dựng một chương quốc gia liên ngành để nghiên cứu, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, để ứng phó với biến đổi khí hậu;

5. Xây dựng một chương trình giám sát và quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; Tiến hành điều tra cơ bản về các nguồn tài nguyên đa dạng sinh học ở quy mô quốc gia;

6. Thúc đẩy hội nhập bảo tồn đa dạng sinh học trong kế hoạch, chương trình và dự án cấp quốc gia, cơ sở và địa phương; Các ưu tiên được dành cho a/ lập kế hoạch đa dạng sinh học vùng, b/ thực hiện nghiêm ngặt về đánh giá tác động môi trường đối với xây dựng cơ sở hạ tầng và theo dõi nghiêm ngặt, c/ phát triển chính sách thanh toán cho người sử dụng đối với khai thác thương mại các dịch vụ đa dạng sinh học và sinh thái.

7. Phát triển bền vững hệ thống các khu bảo tồn ở Việt Nam thông qua kết hợp các mục tiêu bảo vệ và bảo tồn. Ưu tiên đánh giá và phát triển cơ hội cho cộng đồng được hưởng lợi ích từ việc cung cấp dịch vụ hệ sinh thái ở các khu bảo tồn và rừng đầu nguồn.

8. Tăng cường quyền và năng lực của các cộng đồng địa phương để họ tham gia tích cực vào bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý khu bảo tồn. Để làm được điều này, nhận thức cộng đồng, cải thiện sinh kế, phát triển khung pháp lý, cơ chế hoạt động đối với cộng đồng để được tham gia và hưởng lợi từ bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, đặc biệt trong các khu bảo tồn. Cho phép các cộng đồng địa phương sử dụng một cách truyền thống nguồn tài nguyên thiên nhiên trong các khu bảo tồn và thực hành sinh kế dựa trên sự đồng thuận về yêu cầu quy hoạch, khoanh vùng, và giám sát.

9. Tăng cường quản lý và đình chỉ dần dần buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp.

10.Chú ý nhiều hơn tới nhập khẩu các loài mới. Các công ty sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt với các thủ tục và quy định kiểm tra để giám sát các loại được nhập khẩu trước khi giới thiệu sản xuất quy mô lớn. Sớm đưa ra những giải pháp quản lý và tiêu diệt các loại gây hại xâm lấn;

11. Tăng cường đa dạng học và quản lý hiệu quả các nguồn tài trợ cho việc bảo tồn thông qua a/ tăng cường đầu tư tổng thể từ nguồn ngân sách nhà nước cho bảo tồn, và b/ tập trung vào đầu tư chiến lược để đáp ứng bảo tồn lâu dài.

12.Duy trì viện trợ nước ngoài đối với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; thúc đẩy hợp tác hiệu quả với các tổ chức quốc tế và khu vực liên quan đến đa dạng sinh học như Ban thư ký CBD, GEF, UNDP, WWF, IUCN, v.v.

Phụ lục 3. Công ước CITES về các loài cây lấy gỗ

Các loài được bảo vệ bởi Công ước về buôn bán quốc tế các loài nguy cấp (CITES) được liệt kê trong 03 Phụ lục, theo các mức độ bảo vệ mà họ cần.

- Phụ lục I bao gồm các loài bị đe dọa tuyệt chủng. Buôn bán các mẫu vật của các loài này chỉ được cho phép trong những trường hợp ngoại lệ.
- Phụ lục II bao gồm các loài không nhất thiết bị đe dọa tuyệt chủng, nhưng việc buôn bán các loài này phải được giám sát để tránh việc sử dụng không phù hợp với sự sống còn của chúng.
- Phụ lục III bao gồm các loài được bảo vệ trong ít nhất một quốc gia, đã yêu cầu các bên khác của công ước CITES để được trợ giúp trong việc kiểm soát buôn bán. Thay đổi Phụ lục III thực hiện theo một thủ tục riêng biệt từ những thay đổi từ Phụ lục I và II, như mỗi Đảng có quyền sửa đổi đơn phương.

Vui lòng kiểm tra phần “Công ước CITES làm việc như thế nào” trên website CITES để biết thêm thông tin (www.cites.org)

Công ước về Buôn bán quốc tế các loài nguy cấp (CITES)

Cập nhật từ website CITES ngày 10/08/2010 (www.cites.org)

Tên Latin	Tên thông thường/thương mại	Phân bố
<u>Phụ lục I:</u>		
<i>Abies guatemalensis</i>	Guatemalan fir	Trung Mỹ
<i>Araucaria araucana</i>	Monkey-puzzle tree	Chilê và Argentina
<i>Dalbergia nigra</i>	Brazilian Rosewood	Brazil
<i>Fitzroya cupressoides</i>	Alerce	Costa Rica, Panama, Columbia
<i>Pilgerodendron uviferum</i>		Argentina, Chilê
<i>Podocarpus parlatorei</i>	Parlatore's Podocarp	Argentina, Bolivia, Peru
<u>Phụ lục II:</u>		
<i>Aquilaria spp.</i> ⁴	Agarwood	Châu Á (tất cả các loài)
<i>Aniba roseodora</i> ¹²		
<i>Bulnesia sarmientoi</i>	Vera, palo santo, ibiocaí	
<i>Caesalpinia echinata</i> ¹⁰	Brazilwood, Pau-Brasil, Pau de Pernambuco and Ibirapitanga	
<i>Caryocar costaricense</i> ⁴	Ajillo	Colombia, Costa Rica, Panama
<i>Gonystylus spp.</i> ⁴	Ramin	Châu Á (tất cả các loài)
<i>Guaiacum spp.</i>	Lignum-vitae/Tree of life	Trung Mỹ, Caribbean

<i>Gyrinops</i> spp. ⁴	Agarwood	Châu Á (tất cả các loài)
<i>Oreomunnea pterocarpa</i> ⁴	Gavilaan	Costa Rica, Mexico, Panama
<i>Pericopsis elata</i> ⁵	Afrormosia	Trung và Tây Phi
<i>Platymiscium pleiostachyum</i> ⁴	Quira macaewood	Trung Mỹ
<i>Prunus africana</i> ⁴	African cherry	Châu Phi và Madagascar
<i>Pterocarpus santalinus</i> ⁷	Red Sandalwood	Ấn Độ
<i>Swietenia humilis</i> ⁴	Honduras Mahogany	Trung Mỹ
<i>Swietenia macrophylla</i> ⁶	Big-leaf Mahogany	Neotropics
<i>Swietenia mahagoni</i> ⁵	Caribbean mahogany	USA, West Indies, Trung Mỹ
<i>Taxus: chinensis</i> ²	Chinese Yew	Châu Á
<i>T. cuspidate</i> ²	Japanese Yew	Châu Á
<i>T. fuana</i> ²	Tibetan Yew	Châu Á
<i>T. sumatrana</i> ²	Sumatran Yew	Châu Á
<i>T. wallichiana</i> ²	Himalayan Yew	Châu Á

Appendix 3:

<i>Cedrela odorata</i> ⁵	Cigarbox Cedar	Colombia, Guatemala và Peru
<i>Dalbergia retusa</i> ⁵	Cocobolo	Guatemala
<i>Dalbergia stevensonii</i> ⁵		Guatemala
<i>Dipteryx panamensis</i>	Almendro	Costa Rica, Nicaragua
<i>Magnolia liliifera</i> var. <i>obovata</i> ¹	Safan, Champak	Nepal
<i>Podocarpus nerifolius</i> ¹	Yellow Wood	Nepal
<i>Tetracentron sinense</i> ¹	Tetracentrons	Nepal
<i>Dalbergia tucurensis</i>	<i>Yucatan Rosewood, Panama</i> <i>Rosewood, Nicaraguan Rosewood</i>	<i>Nicaragua</i>
<i>Fraxinus mandshurica</i>	<i>Manchurian Ash</i>	<i>Russia</i>
<i>Quercus mongolica</i>	<i>Mongolian Oak</i>	<i>Russia</i>

Kiểm soát cái gì

- 1 Tất cả các bộ phận và dẫn xuất từ:
 - a) hạt giống, bào tử và phần hoa (bao gồm cả pollinia);
 - b) cây con hoặc các mô cây trong ống nghiệm, trong môi trường rắn, lỏng, vận chuyển trong vật đựng vô trùng; và
 - c) hoa bị cắt của các thực vật được cấy nhân tạo
 - d) trái cây và các bộ phận và dẫn xuất của các thực vật được cấy nhân tạo của *Vanilla*
- 2 Tất cả các bộ phận và dẫn xuất từ:
 - a) hạt và phần hoa; và
 - b) các sản phẩm hoàn thiện đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ
- 4 Tất cả các bộ phận và dẫn xuất từ:
 - a) Hạt giống (bao gồm seedpods của Orchidaceae) bào tử và phần hoa (bao gồm cả pollenia). Miễn không áp dụng đối với hạt giống từ Cactaceae spp. xuất khẩu từ Mexico hoặc hạt giống của *Beccariophoenix madagascarensis* và *Neodypsis decaryi*.
 - b) Các cây con hoặc các mô cây trong ống nghiệm, trong môi trường rắn, lỏng, vận chuyển trong các vật đựng vô trùng;
 - c) Hoa bị cắt của các thực vật được cấy nhân tạo
 - d) Trái cây, và các bộ phận và các dẫn xuất của các thực vật nhập tịch hoặc được cấy nhân tạo của chi Orchidaceae và của họ Cactaceae
 - e) Thân cây, hoa và các bộ phận và dẫn xuất của các thực vật nhập tịch hoặc được cấy nhân tạo của chi *Opuntia* và của *Selenicereus*
- 5 Gỗ tròn, gỗ xẻ và tấm voni
- 6 Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm voni và gỗ dán
- 7 Gỗ tròn, gỗ vụn, bột và các chiết xuất
- 9 Tất cả các bộ phận và dẫn xuất từ những loài mang một nhãn hiệu
- 10 Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm voni bao gồm cả đồ gỗ chưa hoàn thành được sử dụng cho chế tạo các nhạc cụ dây
- 11 Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm voni, gỗ dán, bột và chiết xuất
- 12 Gỗ tròn, gỗ vụn, tấm voni, gỗ dán và tinh dầu (không bao gồm sản phẩm đã hoàn thiện đóng gói và sẵn sàng bán lẻ)

Soil Association Woodmark hỗ trợ bao gồm các loài trong Phụ lục II; tất cả các loài được biết đến trong thương mại quốc tế và phải bị suy giảm đáng kể:

<i>Berchemia zeyheri</i>	Pink Ivorywood	
<i>Chamaecyparis lawsoniana</i>	Port Orford cedar	
<i>Dalbergia cearensis</i>	Kingwood	
<i>Dalbergia frutescens</i>	Tulipwood	
<i>Dalbergia latifolia</i>	Indian Rosewood, Sonokeling	
<i>Dalbergia melanoxylon</i>	African Blackwood	
<i>Diospyros celebica</i>	Macassar Ebony	
<i>Diospyros crassiflora</i>	African Ebony	
<i>Diospyros ebenum</i>	Sri Lankan Ebony	
<i>Diospyros muni</i>	Thai Ebony	
<i>Diospyros philippinensis</i>	Philippine Ebony	
<i>Entandrophragma spp.</i>	Utile, Sapele, African Mahogany	(All 11 spp.)
<i>Khaya</i>	African Mahogany	(All 7 spp.)

Phụ lục 4. Loài nguy cấp ở Việt Nam

Danh sách Đỏ của IUCN về Các loài bị đe dọa được công nhận rộng rãi như hướng tiếp cận toàn cầu toàn diện, khách quan nhất đối với đánh giá tình trạng bảo tồn của các loài thực vật và động vật. Liên kết sau đây có thể được sử dụng để có được thông tin mới nhất về tình trạng bảo tồn các loài ở Việt:

<http://www.iucnredlist.org/apps/redlist/search>

Phụ lục 5a. Chứng chỉ FSC và Công ước ILO cốt lõi

Theo tài liệu chính sách FSC “Chứng nhận FSC và Công ước ILO” (**FSC-POL-30-401: 2002**), phù hợp với tất cả các Công ước ILO liên quan đến lâm nghiệp như là một yêu cầu để cấp chứng nhận quản lý rừng FSC. Công ước 29, 87, 98, 100, 105, 111, 138, và 182 là các Tiêu chuẩn cốt lõi được bao gồm trong Tuyên bố ILO năm 1998 về Các nguyên tắc và quyền cơ bản nơi làm việc và its follow-up.

1. Người quản lý rừng có nghĩa vụ hợp pháp tuân thủ với công ước ILO được phê chuẩn trong nước hoạt động (xem Phụ lục 5b)
2. Người quản lý rừng được kỳ vọng tuân thủ tám công ước ILO (cơ bản) cốt lõi trong tất cả các nước thành viên ILO, theo tư cách hội viên ILO của đất nước họ, thậm chí không phải tất cả các công ước đã được phê duyệt (với những công ước được đánh dấu * trong danh sách dưới đây)
3. Chính sách của FSC đối với chứng nhận tự nguyện kỳ vọng những người quản lý tuân thủ tất cả các công ước mà có tác động đến hoạt động và thực hành lâm nghiệp, tại tất cả các nước (bao gồm các quốc gia mà không phải là thành viên ILO, và không phê chuẩn các công ước).

Danh sách các công ước ILO có tác động đến hoạt động và thực hành lâm nghiệp:

- 29*** Công ước lao động cưỡng bức, 1930
- 87*** Công ước tự do lập hội và bảo vệ quyền tổ chức, 1948.
- 97 Công ước di cư tìm kiếm việc làm (chỉnh sửa), 1949.
- 98*** Công ước quyền tổ chức và thương lượng tập thể, 1949.
- 100*** Công ước thù lao bình đẳng, 1951.
- 105*** Công ước bãi bỏ lao động cưỡng bức, 1957.
- 111*** Công ước phân biệt đối xử (nghề nghiệp và việc làm), 1958.
- 131 Công ước ấn định Tiền lương tối thiểu, 1970.
- 138*** Công ước tuổi tối thiểu, 1973.
- 141 Công ước tổ chức lao động nông thôn, 1975.
- 142 Công ước phát triển nguồn lực con người, 1975
- 143 Công ước lao động nhập cư (các điều khoản bổ sung), 1975
- 155 Công ước an toàn và sức khỏe lao động, 1981
- 169 Công ước người bản địa và các bộ lạc, 1989

182* Công ước các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999

Bộ Luật ILO về thực hành an toàn và sức khỏe trong công tác lâm nghiệp

Khuyến nghị 132 về Khuyến nghị Sửa lương tối thiểu, 1970

Phụ lục 5b. Công ước ILO được phê chuẩn tại Việt Nam

Người quản lý rừng có nghĩa vụ hợp pháp tuân thủ tất cả các công ước ILO được phê chuẩn tại nước thực hiện.
Các công ước ILO sau đây được phê chuẩn tại Việt Nam:

(Xem <http://www.ilo.org/ilolex/english/index.htm> để biết thêm thông tin)

Nội dung	Năm được thông qua	Tên	Tình trạng
Công ước về làm việc ban đêm của trẻ em trong công nghiệp	03/10/1994	Công ước 6	Đã được phê chuẩn
Công ước về áp dụng nghỉ hàng tuần trong các cơ sở công nghiệp	03/10/1994	Công ước 14	Đã được phê chuẩn
Công ước về ghi trọng lượng trên các kiện hàng lớn chở bằng tàu	03/10/1994	Công ước 27	Đã được phê chuẩn
Công ước về Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	28/06/1930	Công ước 29	Đã được phê chuẩn
Công ước về sử dụng phụ nữ vào những công việc dưới mặt đất trong hầm mỏ	1935	Công ước 45	Đã được phê chuẩn
Công ước về sửa đổi các điều khoản cuối cùng	1946	Công ước 80	Đã được phê chuẩn
Công ước về Thanh tra lao động trong công nghiệp và thương mại	11/07/1947	Công ước 81	Đã được phê chuẩn
Công ước về Trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ cho một công việc có giá trị ngang nhau	29/06/1951	Công ước 100	Đã được phê chuẩn
Công ước về Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp	25/06/1958	Công ước 111	Đã được phê chuẩn
Công ước về sửa đổi các điều khoản cuối cùng	1961	Công ước 116	Đã được phê chuẩn
Công ước về vệ sinh trong thương mại và văn phòng	08/07/1964	Công ước 120	Đã được phê chuẩn
Công ước về Chính sách việc làm	09/07/1964	Công ước	Đã được phê

		122	chuẩn
<u>Công ước về Tuổi tối thiểu được làm những công việc dưới mặt đất trong hầm mỏ</u>	22/06/1965	Công ước 123	Đã được phê chuẩn
<u>Công ước về việc Kiểm tra y tế cho thiếu niên làm việc dưới mặt đất trong hầm mỏ</u>	23/06/1965	Công ước 124	Đã được phê chuẩn
<u>Công ước về Tuổi tối thiểu được đi làm việc</u>	26/07/1973	Công ước 138	Đã được phê chuẩn
<u>Công ước về Sự tham khảo ý kiến 3 bên nhằm xúc tiến việc thi hành các quy phạm quốc tế về lao động</u>	21/06/1976	Công ước 144	Đã được phê chuẩn
<u>Công ước về an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường lao động</u>	22/06/1981	Công ước 155	Đã được phê chuẩn
<u>Công ước về việc cấm và những hành động tức thời để loại bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất</u>	17/06/1999	Công ước 182	Đã được phê chuẩn

Annex 5c. ILO Code of Practice on Safety and Health in Forestry Work - Personal Protective Equipment (PPE: 1998)

Phụ lục 5c. Thực hành tốt về an toàn lao động trong hoạt động lâm nghiệp - Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE:1998)

Bộ phận cơ thể cần được bảo hộ	Bàn chân	Chân	Thân người, tay, chân	Bàn tay	Đầu	Mắt	Mặt/ Mặt	Thính giác
PPE phù hợp thông thường	Bốt hoặc giày bảo vệ ¹	Quần bảo hộ ²	Quần áo vừa sát người	Găng tay	Mũ bảo hộ	Kính mắt	Tâm che mặt (lưới)	Bịt tai ³
Hoạt động								
<i>Trồng cây⁴</i>								
Thủ công	✓			✓ ⁵				
Băng máy	✓		✓					✓ ⁶
<i>Nhổ cỏ/ Dọn dẹp</i>								
Công cụ lưỡi tròn	✓			✓		✓		
Cưa tay	✓			✓				
Cưa xăng	✓ ⁷	✓	✓	✓ ⁸	✓	✓	✓	✓
Cưa cắt cành								
- Lưỡi kim loại	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
- Dây nylon	✓	✓		✓		✓		✓
Dao quay/ cái đập	✓		✓	✓				✓ ⁶
<i>Áp dụng thuốc trừ sâu</i>	Thực hiện theo những quy định cụ thể cho chất và kỹ thuật áp dụng riêng biệt							
<i>Cắt tỉa*</i>								
Công cụ bằng tay	✓			✓	✓ ¹⁰	✓		
<i>Đốn cây¹¹</i>								
Công cụ bằng tay	✓ ⁹			✓ ¹²	✓	✓		
Cưa xăng	✓	✓	✓	✓ ⁸	✓		✓	✓
Băng máy	✓ ⁷		✓		✓			✓
<i>Bóc dỡ</i>								
Thủ công	✓			✓				
Băng máy	✓		✓	✓		✓		✓
<i>Cắt xẻ</i>								
Thủ công	✓			✓		✓		
Băng máy	✓		✓	✓		✓		✓
<i>Vận chuyển</i>								
Thủ công	✓			✓	✓ ¹³			
Máng trượt	✓			✓	✓ ¹³			
Động vật	✓			✓	✓ ¹³			
Băng máy								
- Máy xúc	✓		✓	✓ ¹⁴	✓			✓ ⁶
- Máy kéo	✓		✓		✓			✓ ⁶
- Cân cầu cáp	✓		✓	✓ ¹⁴	✓			✓ ⁶
- Trục thẳng	✓		✓ ¹⁵	✓ ¹⁴	✓ ¹⁶	✓		✓
<i>Xếp/ bóc</i>	✓		✓	✓	✓			✓ ⁶
<i>Bào</i>	✓		✓	✓	✓		✓	✓ ⁶
<i>Tỉa cành</i>								
<i>Chèo cây¹⁷</i>								
Sử dụng cưa xăng	✓ ⁷	✓	✓	✓ ⁸	✓ ¹⁸	✓		✓
Không sử dụng cưa xăng	✓				✓			

Ghi chú: * Nếu tỉa cành liên quan đến việc leo cây trên 3 m, nên sử dụng thiết bị hạn chế ngã; 1-Tích hợp sắt bảo vệ ngón chân cho vận chuyển tải trung bình hoặc nặng; 2-Quần an toàn cho cưa xăng kết hợp vật liệu làm tắc nghẽn; ở nơi khí hậu / thời tiết nóng có thể dùng xà cạp hoặc quần có khóa rãnh. Vì an toàn và sức khoẻ không mặc quần an toàn và quần có khóa rãnh chứa chất xơ dễ cháy và tan chảy, và trong trường hợp phòng cháy chữa cháy trong công việc Lâm nghiệp; 3-Nút bít và van tai thường không thích hợp cho Lâm nghiệp vì có nguy cơ nhiễm trùng; 4-Để trồng cây trồng được xử lý hoá chất và để ngâm các cây trồng bằng hoá chất, xem các phần có liên quan của Chương 13; 5-Khi trồng cây gai hoặc cây trồng được xử lý hoá học; 6-Khi mức ồn tại vị trí làm việc vượt quá 85dB (A); 7-Giày ủng bảo vệ ở phía trước mũi giày và mu bàn chân; 8-Các vật liệu chống cắt kết hợp ở mặt sau của bàn tay trái; 9-Khi các cành rơi xuống có khả năng gây thương tích; 10-Khi tỉa cành chiều cao trên 2,5 m; 11-Khi chặt/đốn cây bao gồm cả việc cắt cành và cắt ngang; 12-Khi sử dụng cưa tay; 13-Khi vận chuyển gần cây không ổn định hoặc cành nhánh; 14-Chỉ lỏi kéo lóng gỗ: Găng tay có lòng bàn tay kiên cố nếu điều khiển dây cáp kim loại hoặc dây buộc; 15-Màu sắc nhìn thấy rõ ràng; 16-Với quai đeo cằm; 17-Đối với các thiết bị leo cây theo yêu cầu, xem chương 15 của quy định ILO về ATLĐ cho ngành lâm nghiệp; 18-Có mũ bảo hiểm thích hợp: nếu không có, có thể sử dụng mũ bảo hiểm với quai đeo cằm.

Phụ lục 6. Các vấn đề các bên liên quan liên quan tới tiêu chuẩn

Woodmark tạo tiêu chuẩn này một cách công khai thông qua website vào tháng 4/2012. Một khi tài liệu được dịch, một tham vấn đầy đủ sẽ được thực hiện ít nhất 90 ngày trước khi bất kỳ Đánh giá chính nào được thực hiện trong phạm vi Việt Nam. Các góp ý sẽ được đáp ứng, và chỉnh sửa dự thảo tiêu chuẩn để phù hợp với các các góp ý.

Phụ lục 7. Thuốc trừ sâu

FSC – Định nghĩa và giải thích

FSC đã thông qua các định nghĩa sau về cụm từ “loài gây hại” và “thuốc trừ sâu”, được chấp thuận bởi Hội đồng quản trị FSC trong tháng 12/2005:

Loài gây hại: sinh vật, có hại hoặc được nhận thức là có hại và cản trở việc đạt được các mục tiêu quản lý hoặc sản lượng hoặc lợi nhuận mong muốn. Vài loài gây hại, đặc biệt được giới thiệu là ngoại lai, cũng có thể gây ra những môi đe dọa sinh thái nghiêm trọng, và cần được ngăn chặn. Chúng bao gồm các loài động vật gây hại, cây cỏ dại, nấm gây bệnh và các vi sinh vật khác.

Thuốc bảo vệ thực vật: (bao gồm cả thuốc diệt nấm và thuốc diệt cỏ). Bất kỳ chất hoặc chuẩn bị nào được chuẩn bị hoặc được sử dụng trong bảo vệ thực vật và gỗ hoặc các loại sản phẩm thực vật khác từ các loài gây hại; trong kiểm soát sâu hại hoặc trong khiến sâu bệnh như vô hại. (Định nghĩa này bao gồm thuốc trừ sâu, diệt chuột, acaricides, molluscicides, larvacides, thuốc diệt nấm và thuốc diệt cỏ).

Hóa chất được liệt kê trên trang tiếp theo được phân loại là “rất nguy hại” và không nên được sử dụng. Danh sách này dựa trên Phụ lục 1 và 2 từ Tài liệu hướng dẫn FSC (FSC-GUI-001: 5/2007) về thực hiện Chính sách thuốc bảo vệ thực vật FSC (FSC-POL-30-601: 12/2005). Hóa chất trong nhóm IA của thành phần hoạt động kỹ thuật cực kỳ độc hại trong thuốc trừ sâu của WHO được chỉ báo với một “*” và những hóa chất trong nhóm IB được chỉ báo bằng “**”.

Ủy ban hội đồng FSC có thể phê duyệt các trường hợp ngoại lệ tạm thời. Danh sách sửa đổi sẽ được đăng tải và được lưu hành khi cần thiết.

Xem www.fsc.org – để cập nhật các chính sách hóa chất.

Tên hóa chất

2-(2,4-DP), dma salt (= dichlorprop, dma salt)	DDT	Furathiocarb **	Pentachlorophenol **
2,4,5-T	Deltamethrin	Gamma-HCH, lindane	Permethrin
2,4-D, 2-ethylhexyl ester	Demeton-S-methyl	Heptachlor	Phenylmercury acetate *
3-Chloro-1,2-propanediol**	Diazinon**	Heptenophos **	Phorate *
Acrolein**	Dicamba, dma salt	Hexachlorobenzene *	Phosphamidon *
Aldicarb*	Dichlorvos**	Hexazinone	Propaquizafop
Aldrin	Dicofol	Hydramethylnon	Propetamphos
Allyl alcohol **	Dicrotophos**	Isoxaben	Propyzamide
Alpha-cypermethrin	Dieldrin	Isoxathion **	Quintozone
Aluminium phosphide	Dienochlor	Lamba-cyhalothrin	Simazine
Amitrole	Difenacoum*	Lead arsenate **	Sodium arsenite **
Atrazine	Difethialone*	Mancozeb	Sodium cyanide **
Azinphos-ethyl**	Diflubenzuron	Mecarbam **	Sodium fluoroacetate *
Azinphos-methyl**	Dimethoate	Mercuric chloride *	Sodium fluoroacetate, 1080
Benomyl	Dinoterb **	Mercuric oxide **	Strychnine **
Blasticidin-S**	Diphacinone*	Metam sodium	Sulfluramid
Brodifacoum*	Diquat dibromide	Metasystox	Sulfotep *
Bromadiolone*	Disulfoton*	Methamidophos **	Tebufenozide
Bromethalin*	Diuron	Methidathion **	Tebupirimfos *
Butocarboxim**	DNOC **	Methiocarb **	Tefluthrin **
Butoxycarboxim**	Edifenphos**	Methomyl **	Terbufos *
Cadusafos**	Endosulfan	Methoxychlor	Terbumeton
Calcium arsenate**	Endrin	Methylarsonic acid (monosodium methanearsenate, MSMA)	Terbuthylazine
Calcium cyanide*	EPN *	Methylbromide	Terbutryn
Captafol*	Epoxiconazole	Mevinphos*	Thallium sulfate
Carbaryl	Esfenvalerate	Mirex	Thiodicarb
Carbofuran*	Ethiofencarb **	Monocrotophos **	Thiofanox
Carbosulfan	Ethion	Naled	Thiometon
Chlordane	Ethoprophos *	Nicotine **	Toxaphene (Camphechlor)
Chlorethoxyfos*	Famphur **	Omethoate **	Triadimenol
Chlorfenvinphos**	Fenamiphos **	Oryzalin	Triazophos
Chlormephos	Fenitrothion	Oxamyl **	Trifluralin
Chlorophacinone*	Fipronil	Oxydemeton-methyl **	Vamidothion
Chlorothalonil	Flocoumafen *	Oxyfluorfen	Warfarin
Chlorpyrifos	Fluazifop-butyl	Paraquat	Zeta-cypermethrin
Coumaphos**	Flucythrinate **	Parathion *	Zinc phosphide
Coumatetralyl**	Flufenoxuron	Parathion-methyl	
Cyfluthrin	Fluoroacetamide **	Paris green **	
Cypermethrin	Formetanate **	Pendimethalin	

Phụ lục 8. Danh mục các loại rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF: Bộ công cụ Proforest)

Một khu vực có giá trị bảo tồn cao là khu vực có môi trường sống được yêu cầu để duy trì hoặc tăng cường một Giá trị bảo tồn cao. Một khu vực có giá trị bảo tồn cao có thể là một phần của một môi trường sống lớn hơn, ví dụ, một khu vực ven sông bảo vệ một dòng suối mà là nơi cung cấp nước uống duy nhất cho một cộng đồng hoặc một khoảng đất của một khu rừng đá vôi hiếm trong một diện tích rừng lớn hơn. Ở nơi khác, khu vực có giá trị bảo tồn cao có thể là toàn bộ một môi trường sống, ví dụ, một đơn vị quản lý rừng lớn, khi rừng bao gồm vài loại bị đe dọa hoặc gặp nguy hiểm trong phạm vi cả khu rừng. Bất cứ loại môi trường sống nào – phương bắc, ôn đới hoặc nhiệt đới, tự nhiên hoặc bị sửa đổi bởi con người, có khả năng được chỉ định thành một khu vực có giá trị bảo tồn cao, bởi vì chỉ định khu vực có giá trị bảo tồn cao chỉ dựa vào sự hiện diện của Giá trị bảo tồn cao trong khắp môi trường sống. Bộ công cụ Proforest đề xuất các danh mục sau: (xem www.hcvnetwork.org để biết thêm thông tin).

HCVF 1. Khu vực có chứa sự tập trung đáng kể các giá trị đa dạng sinh học toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia (ví dụ các loài đặc hữu, nguy cấp, refugia).

Ví dụ, sự hiện diện của vài loại chim bị đe dọa toàn cầu trong một khu rừng núi Kenya.

[../AppData/Local/Temp/Rar\\$DI78.232/resolveuid/48f70b5ea3fc9f23e1a3397356aef70e](http://AppData/Local/Temp/Rar$DI78.232/resolveuid/48f70b5ea3fc9f23e1a3397356aef70e)

HCVF 2. Các khu vực cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia nơi dân số khả thi của hầu hết nếu không phải tất cả các loài tồn tại một cách tự nhiên trong mô hình phân bố và phong phú tự nhiên.

Ví dụ, một đường lớn của Trung Mỹ tràn ngập các vùng đồng cỏ và rừng với dân số khỏe mạnh của Hyacinth Macaw, Jaguar, Manetrd Wolf, và Giant Otter, cũng như hầu hết các loài nhỏ hơn.

HCVF 3. Khu vực nằm trong hoặc có chứa hệ sinh thái quý hiếm, bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.

Ví dụ, các khoảng đất của các loại đầm lầy nước ngọt hiếm có trong khu vực trong một huyện ven biển của Úc.

HCVF 4. Các khu vực cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các trường hợp quan trọng (ví dụ, bảo vệ rừng đầu nguồn, kiểm soát xói mòn).

Ví dụ, rừng trên các sườn dốc với nguy cơ sạt lở trên một thị trấn ở dãy Alps châu Âu.

HCVF 5. Các khu vực cơ bản đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ, sinh kế, sức khỏe)

Ví dụ, các khu vực săn bắn hoặc tìm kiếm thức ăn quan trọng cho cộng đồng sống ở mức tự cung tự cấp trong một khâm rừng đồng bằng Campuchia.

HCVF 6. Các khu vực quan trọng đối với bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (các khu vực có giá trị văn hóa, sinh thái, kinh tế, hoặc tôn giáo được xác định với sự hợp tác với các cộng đồng địa phương).

Ví dụ, các bãi chôn lấp linh thiêng trong một khu vực quản lý rừng ở Canada.

CHÚ THÍCH

Từ ngữ trong tài liệu này được sử dụng như được định nghĩa trong hầu hết các từ điển ngôn ngữ tiếng Anh tiêu chuẩn. Ý nghĩa chính xác và giải thích địa phương của các cụm từ nhất định (chẳng hạn cộng đồng địa phương) nên được quyết định trong ngữ cảnh địa phương bởi người quản lý rừng hoặc người chứng nhận. Trong tài liệu này, từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Đa dạng sinh học: sự thay đổi giữa các sinh vật sống từ tất cả các nguồn bao gồm, trong số (interalia), các sinh vật sống trên mặt đất, dưới nước, và các hệ sinh thái thủy sinh khác và các tập hợp sinh học mà chúng là một phần; có thể là đa dạng sinh học trong loài, giữa các loài và các hệ sinh thái khác. (xem Công ước đa dạng sinh học, 1992).

Giá trị đa dạng sinh học: Các giá trị đa dạng sinh học có tính nội tại, sinh thái, di truyền, xã hội, kinh tế, giáo dục, văn hóa, giải trí thẩm mỹ và các hợp phần. (xem Công ước Đa dạng sinh học, 1992)

Tác nhân kiểm soát sinh học: Sinh vật sống được sử dụng để hạn chế hoặc điều hòa mức độ của các sinh vật khác.

Chuỗi hành trình sản phẩm: Kênh thông qua đó các sản phẩm được phân phối từ nguồn gốc trong rừng tới người sử dụng cuối cùng

Hóa chất: Phạm vi của phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, và kích thích tố mà được sử dụng trong quản lý rừng.

Tiêu chí (số nhiều các tiêu chí): Một phương tiện đánh giá một tiêu chuẩn (của quản lý rừng) đã được hoàn thành hay chưa.

Quyền truyền thống: các quyền có được từ các hoạt động truyền thống, thường xuyên được lặp đi lặp lại và liên tục không ngừng, có được theo quy luật địa lý hoặc xã hội.

Hệ sinh thái: Một cộng đồng tất cả các thực vật và động vật và môi trường vật lý, hoạt động với nhau như một đơn vị phụ thuộc lẫn nhau.

Loài nguy cấp: Bất cứ loài nào có nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn hoặc một phần.

Loài ngoại lai: Một loài không phải bản địa hoặc đặc hữu được giới thiệu cho một khu vực.

Toàn vẹn rừng: Thành phần, trạng thái, chức năng và các thuộc tính cấu trúc của rừng tự nhiên

Quản lý/người quản lý rừng: Người chịu trách nhiệm về quản lý hoạt động tài nguyên rừng và của doanh nghiệp, cũng như hệ thống và cấu trúc quản lý, và lập kế hoạch và hoạt động lĩnh vực.

Sinh vật biến đổi gen: Sinh vật sinh học đang bị các phương tiện khác nhau làm thay đổi cơ cấu nguồn gen.

Rừng giá trị bảo tồn cao: Rừng có giá trị bảo tồn cao là rừng sở hữu một hoặc nhiều hơn các thuộc tính sau đây:

- a) Khu vực rừng mang ý nghĩa toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia:
 - Tập trung giá trị đa dạng sinh học (ví dụ đặc hữu, loài nguy cấp, hiếm); và/hoặc
 - Rừng có mức sinh cảnh lớn, tồn tại bên trong hoặc do đơn vị quản lý rừng, nơi có các tập hợp nếu không phải là rừng tự nhiên thì các loài cũng được phân bố và phong phú theo cách tự nhiên.
- b) Khu vực rừng nằm trong hoặc bao gồm những hệ sinh thái quý hiếm, bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng
- c) Khu vực rừng mà cung cấp các dịch vụ cơ bản tự nhiên trong các khu vực xung yếu (ví dụ như bảo vệ rừng đầu nguồn, chống xói mòn)

- d) Khu vực rừng cơ bản đáp ứng những nhu cầu của cộng đồng địa phương (ví dụ sinh sống, sức khỏe) và/hoặc quan trọng đối với các thực thể văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (các khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được xác định trong sự cộng tác với cộng đồng địa phương).

Vùng đất và lãnh thổ bản địa: Toàn bộ môi trường đất, không khí, nước, biển, nước đóng băng, hệ động thực vật, và các nguồn khác mà người bản địa sở hữu hoặc chiếm hoặc sử dụng một cách truyền thống. (Tuyên bố dự thảo về Quyền của người bản địa: Phần VI)

Người bản địa: là những người dân hiện đang sinh sống trên toàn bộ lãnh thổ hay một phần ở các thời điểm khác nhau khi có người có nền văn hoá, nguồn gốc khác đến từ những nơi khác của đất nước, chinh phục, tái định cư, hay bằng các phương tiện khác để giảm tính phụ thuộc hay thuộc địa; người mà hiện tại sống hoà hợp với các tập tục và truyền thống xã hội, kinh tế và văn hoá so với các thể chế của đất nước mà trong đó họ hiện tại là một phần, trong một cơ cấu nhà nước mà tập hợp các đặc điểm quốc gia, xã hội và văn hoá của hay của bộ phận dân cư mà họ đã từng chiếm ưu thế. (Nguồn: định nghĩa làm việc được thông qua bởi Liên hiệp quốc về người bản địa).

Cảnh quan: Một khu vực địa lý bao gồm các hệ sinh thái tương tác do ảnh hưởng của sự tương tác địa chất, địa hình, đất, khí hậu, sinh học và con người trong một khu vực nhất định.

Luật pháp địa phương: Bao gồm tất cả các quy định pháp lý do các tổ chức chính quyền địa phương cấp quốc gia, như sở, v.v.

Dài hạn: Quy mô thời gian của chủ hoặc quản lý rừng thể hiện các mục tiêu của kế hoạch quản lý, mức khai thác và sự cam kết duy trì độ che phủ rừng vĩnh viễn. Độ dài thời gian liên quan sẽ khác nhau theo từng ngữ cảnh và điều kiện sinh thái, và sẽ là một chức năng thể hiện phải mất bao lâu để một hệ sinh thái đã cho phục hồi cấu trúc và thành phần tự nhiên sau khi khai thác hay tạo ra trạng thái thuần thực và các điều kiện ban đầu.

Loài bản địa: Một loài tồn tại tự nhiên trong vùng, đặc hữu đối với khu vực.

Chu kỳ tự nhiên: Chất dinh dưỡng và khoáng chất là kết quả của sự tương tác giữa đất, nước, thực vật và động vật trong môi trường rừng mà ảnh hưởng đến năng suất sinh học tại một hiện trường nhất định.

Rừng tự nhiên: Khu vực rừng có rất nhiều các đặc tính chủ yếu và các yếu tố quan trọng của hệ sinh thái bản địa chẳng hạn như tính phức hợp, cấu trúc và sự đa dạng hiện nay, được định nghĩa bởi FSC, quốc gia xác định và phê duyệt về khu vực quản lý rừng tiêu chuẩn.

Lâm sản ngoài gỗ (NTFPs): Tất cả các lâm sản trừ gỗ, bao gồm các vật liệu khác thu được từ cây như nhựa và lá, cũng như bất kỳ các sản phẩm từ thực vật và động vật.

Các loại rừng khác: Khu vực rừng mà không đủ tiêu chí rừng trồng hoặc rừng tự nhiên và được xác định cụ thể hơn bởi tiêu chuẩn quốc gia và vùng được phê duyệt của FSC về quản lý rừng.

Rừng trồng: Khu vực rừng thiếu hầu hết các đặc tính chủ yếu và các yếu tố quan trọng của hệ sinh thái bản địa như được định nghĩa trong tiêu chuẩn quốc gia và vùng được FSC phê duyệt về quản lý rừng, từ kết quả của các hoạt động con người chẳng hạn như trồng cây, gieo hạt hoặc các phương pháp lâm sinh chuyên sâu.

Tiêu chuẩn: Một nguyên tắc hoặc yếu tố quan trọng; trong trường hợp của FSC, về quản lý rừng.

Lâm sinh: Phương thức sản xuất và chăm sóc rừng bằng khâu tạo rừng, thành phần và tăng trưởng của chúng để thực hiện tốt nhất các mục tiêu của chủ rừng. Điều này có thể, hoặc có thể không, bao gồm sản xuất gỗ.

Sự diễn thế: Những thay đổi liên tục trong thành phần loài và cấu trúc quần thể rừng gây ra bởi quá trình tự nhiên (không phải do con người) theo thời gian.

Quyền sở hữu: Thỏa thuận được xã hội xác định do các cá nhân hay các nhóm, được trạng thái pháp lý hoặc phương thức thông dụng công nhận, về “các tập hợp các quyền và nhiệm vụ” của chủ rừng, sở hữu, tiếp cận và/hoặc sử dụng trên một đơn vị đất hoặc kết hợp với các nguồn khác (chẳng hạn cây riêng lẻ, loài thực vật, nước, khoáng chất, v.v)

Loài bị đe dọa: Bất cứ loài nào có khả năng đứng trước nguy cơ tuyệt chủng trong tương lai có thể lường thấy được trong toàn bộ loài hay từng phần có ý nghĩa.

Quyền sử dụng: Quyền sử dụng các tài nguyên rừng mà có thể được xác định bởi phong tục địa phương, thỏa thuận chung, hoặc theo quy định của các tổ chức khác nắm giữ quyền tiếp cận. Những quyền này có thể hạn chế việc sử dụng của tài nguyên cụ thể tới mức tiêu dùng cụ thể hoặc các kỹ thuật khai thác đặc biệt.

Quá trình áp dụng tiêu chuẩn Woodmark		
FSC-Ref	FSC-STD-20-003 (v3.0)	
Quy trình Woodmark	PP-FM-001 Áp dụng ứng tiêu chuẩn chung	
Tóm tắt	Tại các quốc gia không có tiêu chuẩn quốc gia FSC được thông qua, Woodmark đã áp dụng Tiêu chuẩn rừng chung Woodmark đối với vùng/khu vực.	
Chỉnh sửa		
Ngày	Chi tiết	Tác giả/được phê duyệt
10/2010	Trang 1: SA Woodmark và logo FSC được cập nhật Trang 2: Tài liệu tham khảo cho các tài liệu FSC thay thế được cập nhật Trang 4 và 7: Tài liệu tham khảo để “gợi ý” thay thế với “quan sát” Tài liệu tham khảo “định mức” thay thế với “chỉ số” Trang 52 trở đi: Phụ lục bổ sung và số được sắp xếp lại. Chỉ số mới cho các phụ lục bổ sung với bảng này để ghi chép chỉnh sửa. Footer cập nhật ST-FM-001-07 10/2010	LC/MR
04/2012	Phụ lục áp dụng đối với Việt Nam	JR/LC
July 2012	Sửa đổi được thực hiện với tiêu chí 10.5 theo dự thảo tiêu chuẩn FSC cho Việt Nam	MR/LC
May 2014	Đã thêm các loài CITES vào Phụ lục 3	MDP / MR
Xem xét:		
	(ví dụ Tiếp tục xem xét/tiếp nhận ý kiến (danh sách))	
	(ví dụ Chỉnh sửa các chính sách/tiêu chuẩn FSC có nghĩa là chỉnh sửa để áp dụng Tiêu chuẩn được yêu cầu (danh sách)) (e.g. Amendments to FSC policies/standards meaning amendments to adapted Standard required: (list))	